

TUẦN 3
TIẾNG VIỆT

BÀI 5: ĐỌC: THẦN LẦN XANH VÀ TẮC KÈ (Tiết 15)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài *Thần lần xanh và tắc kè*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.
- Nhận biết được bối cảnh, diễn biến của các sự việc qua lời kể của tác giả câu chuyện. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài đọc: Mỗi loài vật đều có những đặc tính riêng với một môi trường sống phù hợp với những đặc điểm đó.
- Biết tôn trọng sự khác biệt của mỗi người, biết trân trọng môi trường sống; biết chia sẻ để hiểu hơn về bản thân mình và những người xung quanh.
- * Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.
- * Phẩm chất: chăm chỉ, yêu thương và bảo vệ các loại động vật.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận nhóm đôi về thói quen, môi trường sống điển hình của lạc đà, chim cánh cụt, cú.
- HS chia sẻ kết quả của nhóm.
- GV lắng nghe và nhận xét.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (12 - 13)

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV phân vai: 3 em đọc trước lớp theo lời người dẫn chuyện, lời của thần lần xanh và lời của tắc kè.
- GV gọi 3 HS đọc trước lớp.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *thần lần, thẳm nghĩ, thi thoảng....*,
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:
Mình không thể bò trên tường/giống như tắc kè/ cũng không thể kiếm ăn/ theo cách của tắc kè. Thần lần xanh/ trở về với cái cây của mình/ và thích thú đi kiếm ăn/ vào ban ngày.

2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ ở những câu văn dài và theo cảm xúc của tác giả: Đọc đúng giọng của các nhân vật trong câu chuyện.
- Mời 3 HS đọc phân vai.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3 bàn (mỗi học sinh đọc theo vai của mình và nối tiếp nhau cho đến hết).

- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
- + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
- + GV nhận xét tuyên dương

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 12')

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Thần lẩn xanh và tắc kè đã tự giới thiệu những gì trong lần đầu gặp gỡ?

Trả lời: *Đó là những chi tiết: “Các bạn đã tự giới thiệu tên của mình (thần lẩn xanh và tắc kè) và tập tính của mình (thần lẩn xanh đi kiếm ăn ban ngày, tắc kè đi kiếm ăn ban đêm)”*.

Câu 2: Vì sao hai bạn muốn đổi cuộc sống cho nhau?

Trả lời: *Vì các bạn ấy thấy môi trường sống của mình quá quen thuộc và có vẻ nhàm chán.*

Câu 3: Hai bạn đã nhận ra điều gì khi thay đổi môi trường sống của mình?

Trả lời: *Về sự phù hợp của đặc điểm cơ thể với môi trường sống: Tay và chân thần lẩn xanh không bám dính như tắc kè nên không thể bò lên tường như tắc kè. Da tắc kè không chịu được nắng nóng ban ngày như thần lẩn xanh.*

Câu 4: Các bạn cảm thấy thế nào khi quay lại cuộc sống trước đây của mình?

Trả lời: *Về hậu quả của việc thay đổi môi trường sống: Các bạn không thể kiếm được thức ăn nên rất đói.*

+ *Thần lẩn xanh trở về với cái cây của mình và thích thú đi kiếm ăn vào ban ngày. Tắc kè quay trở lại bức tường thân yêu và vui vẻ đi tìm thức ăn vào buổi tối. Cả hai bạn đều cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc khi được là chính mình. Và vẫn thỉnh thoảng gặp mặt nhau để chuyện trò về cuộc sống.*

Câu 5: Tìm đọc đoạn văn trong bài có nội dung tương ứng với mỗi ý dưới đây:

Trả lời: a. Thần lẩn xanh và tắc kè vui vẻ trở lại cuộc sống của mình: Đoạn văn cuối cùng của câu chuyện: *"Thế là hai bạn ... về cuộc sống"*.

b. Thần lẩn xanh không thích nghi được với cuộc sống của tắc kè: Đoạn văn: *"Thần lẩn xanh nhận ra... Minh đói quá rồi!"*.

c. Tắc kè không chịu được khi sống cuộc sống của thần lẩn xanh: Đoạn văn: *"Trong khi đó, tắc kè ... Minh đói quá rồi!"*.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: **Mỗi loài vật đều có đặc tính riêng với một môi trường sống phù hợp với những đặc tính đó. Cần trân trọng những đặc điểm của mình và biết lựa chọn hoàn cảnh sống phù hợp với những đặc điểm đó.**

3.2. Luyện đọc diễn cảm:

- GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm.

a. Thần lẩn xanh và tắc kè vui vẻ trở lại cuộc sống của mình.

b. Thần lẩn xanh không thích nghi được với cuộc sống của tắc kè.

c. Tắc kè không chịu được khi sống cuộc sống của thần lẩn xanh.

- Mời một số học sinh đọc nối tiếp.
- GV tổ chức cho HS thi đọc và đưa ra các tiêu chí đọc để HS nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.
- Nội dung câu hỏi:

Câu 1: Thần lằn xanh thường tìm kiếm thức ăn vào thời điểm nào trong ngày?

- a) Buổi sáng sớm
- b) Buổi trưa nắng**
- c) Buổi chiều mát
- d) Ban đêm

Câu 2: Tắc kè thường sống ở đâu?

- a) Trong vườn cây, bụi cỏ
- b) Trên các cành cây cao
- c) Trong nhà, trên trần nhà, góc tường**
- d) Dưới nước

Câu 3: Điểm giống nhau giữa thần lằn xanh và tắc kè là gì?

- a) Đều là loài bò sát, có ích cho nhà nông.**
- b) Đều có màu xanh.
- c) Đều kiếm ăn vào ban ngày.
- d) Đều sống trên cây.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.
- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 6: Nghệ sĩ trồng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 5: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ (Tiết 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).
- Tìm được danh từ thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

Nội dung trò chơi: Xếp các danh từ sau vào nhóm thích hợp:

Đà Nẵng, Triệu Thị Trinh, Bạch Đằng, Trần Quốc Toản, Hải Phòng, Tô Lịch

- + Danh từ chỉ người.
- + Danh từ chỉ thành phố.
- + Danh từ chỉ sông.
- HS chia sẻ đáp án của mình.

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (23 - 25')

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. Tìm danh từ chỉ thời gian, con vật, cây cối trong đoạn văn dưới đây:

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

Tổ vành khuyên nhỏ xinh nằm lọt thỏm giữa hai chiếc lá bưởi. Mẹ vành khuyên cẩn thận khâu hai chiếc lá lại rồi tha cỏ khô về đan tổ bên trong.

Đêm đêm, mùi cỏ, mùi lá bưởi thơm cả vào những giấc mơ. Máy anh em vành khuyên nằm gối đầu lên nhau, mơ một ngày khôn lớn sải cánh bay ra trời rộng.

(Theo Trần Đức Tiến)

- GV mời HS làm việc theo nhóm bàn.
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương và chốt đáp án đúng:

Đáp án: Danh từ chỉ thời gian: đêm đêm, một ngày

Danh từ chỉ con vật: vành khuyên

Danh từ chỉ cây cối: lá, bưởi, cỏ

Bài 2. Tìm tiếp các danh từ chỉ người cho mỗi nhóm.

- GV cho HS quan sát bức tranh và viết danh từ chỉ người cho mỗi nhóm.



Trong gia đình

(mẹ,...)



Trong trường học

(thầy giáo,...)



Trong trận bóng đá

(cầu thủ,...)

- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các nhóm (GV gọi 2-4 nhóm trả lời).
 - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt đáp án đúng:
- Đáp án: Trong gia đình: mẹ, bố, ông, bà, anh, chị, em, cháu,...
- Trong trường học: thầy giáo, cô giáo, hiệu trưởng, hiệu phó, bạn bè, học sinh, sinh viên,...
- Trong trận bóng đá: cầu thủ, tiền vệ, thủ môn, hậu vệ, tiền đạo,...

Bài 3: Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên nào có thể thay cho mỗi bông hoa dưới đây?

Buổi sáng, mặt trời toả ☀ gay gắt, chói chang. Bỗng từ đâu ☀ đen kéo tới, che kín bầu trời. ☀ cuốn cuộn thổi. ☀ loé lên từng hồi sáng rực. ☀ nổ đi đùng. Rồi ☀ âm âm trút xuống. Không gian đắm nước.

(Theo Phạm Khải)

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài, tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài tập.
- HS đọc kĩ nội dung đoạn văn và tìm danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên thích hợp.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương và chốt đáp án đúng:

Đáp án: ánh nắng, mây, gió, chớp, sấm, mưa

Bài 4: Đặt 3 câu có chứa danh từ: (Làm việc nhóm đôi)

- Chỉ một buổi trong ngày.
 - Chỉ một ngày trong tuần.
 - Chỉ một mùa trong năm.
- HS đọc yêu cầu, làm việc theo nhóm đôi.

- HS tìm các danh từ và tiến hành đặt câu.
- a. Chỉ một buổi trong ngày: sáng, chiều, tối.
- b. Chỉ một ngày trong tuần: thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ 7, chủ nhật.
- c. Chỉ một mùa trong năm: mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông.
- HS đặt câu.
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương. GV lưu ý HS đặt câu đầy đủ thành phần.

Bài 5. Tìm danh từ chỉ người, đồ vật trong lớp của em.

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.
- GV mời HS làm việc theo nhóm 4
- Các nhóm tiến hành thảo luận và đưa ra những danh từ chỉ người, vật trong lớp
- + Danh từ chỉ người: cô giáo, bạn nam, bạn nữ,...
- + Danh từ chỉ vật: bàn, ghế, bảng, sách, vở,....
- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- HS lắng nghe, bổ sung ý kiến và nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương và nhắc nhở lưu ý HS cần nhớ.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- ND trò chơi: Điền các danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên, sự vật dưới đây vào chỗ chấm cho phù hợp:

(*sương, gió, nước, mưa, thác, trăng, sấm, nắng, ghênh, hạn*)

- a.chảy chỗ trũng.
- b. Lênxuống
- c.to.....lớn
- d.quảng thì....., trăng tán thì.....
- e. Đầu nămmuối, cuối nămnồm.
- g. Lúa chiêm lấp ló đầu bờ,
Hễ nghe tiếngphát cờ mà lên.
- h. Chuồn chuồn bay thấp thì.....

Bay cao thì....., bay vừa thì râm

- HS chơi trò chơi điền nhanh đáp án.
- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 5: VIẾT: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN (Tiết 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết các đặc điểm của đoạn văn về nội dung và hình thức.
- Biết tìm câu chủ đề trong đoạn văn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao đổi với người thân về vẻ riêng của mỗi người trong gia đình.

- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Khi viết đoạn văn nên ý kiến về một câu chuyện cần làm gì?

=> *Khi viết đoạn văn nên ý kiến về một câu chuyện cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện đó và nêu rõ lí do.*

+ Câu 2: Đoạn văn nêu ý kiến được trình bày như thế nào?

=> *Đoạn văn nêu ý kiến được trình bày như sau: Mở đầu; Triển khai; Kết thúc.*

+ Câu 3: Kể tên 2 câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã được đọc hoặc được nghe.

=> *Câu chuyện bó đũa; Sự tích cây vú sữa*

+ Câu 4: Kể tên 2 câu chuyện về các con vật mà em đã được đọc hoặc được nghe.

=> *Rùa và Thỏ; Dế Mèn phiêu lưu kí....*

- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.

- HS chia sẻ đáp án của mình.

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (23 - 25')

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1: Nghe GV nhận xét chung.

a. Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn.

b. Ý chính của mỗi đoạn văn là gì?

c. Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn.

- HS lắng nghe thầy cô nhận xét.

- HS Ghi lại những nhận xét, nội dung học tập để rút kinh nghiệm.

Bài 2: Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô rồi sửa chữa lỗi.

Cách viết mở đầu,
triển khai, kết thúc

Cách trình bày
lí do và dẫn chứng

Cách dùng từ,
đặt câu

Chính tả

- GV cho HS xem lại cách viết mở đầu, triển khai, kết thúc; cách trình bày lí do và dẫn chứng; cách dùng từ, đặt câu; chính tả. Kết hợp với nhận xét của giáo viên và sửa chữa bài làm cho phù hợp.

- GV mời một số HS trình bày.

- HS đọc lại bài của mình và nghe nhận xét của thầy cô rồi sửa chữa lỗi.

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung cần sửa.

Bài 3: Đọc bài làm của bạn và nêu những điều em muốn học tập.

- GV mời một số HS trình bày.

- HS nghe bạn đọc bài văn, nêu những điều em muốn học tập.

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét.

- GV nhận xét chung.

Ví dụ:

- *Cách viết mở đầu, triển khai, kết thúc: Sử dụng mở bài gián tiếp, cách kết thúc là câu cảm thán ấn tượng.*

- Cách trình bày lí do và dẫn chứng: rõ ràng, rành mạch
- Cách dùng từ, đặt câu: sử dụng các câu nêu cảm xúc, từ ngữ ấn tượng.
- Chính tả: không viết sai chính tả, không tẩy xóa.
- HS theo dõi và rút kinh nghiệm.

Bài 4: Viết lại một số câu văn cho hay hơn.

- GV cho HS làm bài theo yêu cầu.
- HS tiến hành viết lại một số câu văn cho hay hơn.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn.
- Nội dung trò chơi: Cùng bạn thi tìm nhanh danh từ thuộc 2 nhóm.



- HS chơi trò chơi và chia sẻ câu trả lời của mình.
- + Danh từ chỉ động vật hoang dã: hổ, sư tử, sói, hươu,...
- + Danh từ chỉ cây ăn quả: cây ổi, cây xoài, cây na, cây cam, cây vú sữa, cây mít,...
- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 6: ĐỌC: NGHỆ SĨ TRỒNG (Tiết 18 + 19)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Nghệ sĩ trồng*.
- Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời của người dân trên đảo, lời độc thoại của cô bé Mi-lô,... với giọng điệu phù hợp.
- Nhận biết được đặc điểm của cô bé Mi-lô thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ,...
- Nhận biết được cách liên tưởng, so sánh, nhân hóa... trong việc xây dựng nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Để thực hiện ước mơ, mỗi người cần nỗ lực, cố gắng vượt lên hoàn cảnh, vượt lên khó khăn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức cách đánh giá của mình về ước mơ, đam mê của bạn bè. Biết thể hiện sự trân trọng đối với những cố gắng nỗ lực thực hiện ước mơ của bạn bè, không kì thị giới tính.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV cho HS trao đổi với bạn về một nhạc cụ em yêu thích. Theo em, nam hay nữ chơi nhạc cụ đó thì phù hợp?
- HS chia sẻ ý kiến của mình.

- GV cho học sinh nghe một đoạn nhạc độc tấu sáo trúc bài Về quê sau đó giới thiệu bài mới.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25)

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ tình tiết bất ngờ hoặc những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: 5 đoạn theo thứ tự:
 - + Đoạn 1: từ đầu đến một ban nhạc.
 - + Đoạn 2: tiếp theo cho đến con sóng xô bờ
 - + Đoạn 3: tiếp theo cho đến thăm nghĩ.
 - + Đoạn 4 tiếp theo cho đến nhún nhảy.
 - + Đoạn 5: đoạn còn lại.
- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *tim-pan-ni, trống công-ga, trống bông-gô, Ku-chi-tô, Ana-ca-ô-na, nhún nhảy.*
- GV mời 1 HS đọc phần giải nghĩa từ
 - + *Cu-ba: một nước ở Châu Mỹ, thủ đô là Ha-va-na.*
 - + *Chim ruồi: loài chim nhỏ nhất trong các loài chim, khi bay có thể giữ nguyên một vị trí, cánh vỗ nhiều lần tạo ra tiếng vo ve như tiếng ruồi.*
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:
Ban ngày/, cô chăm chú lắng nghe tất cả những âm thanh xung quanh/: tiếng những tàu lá cọ đu đưa trong gió/, tiếng vỗ cánh của những chú chim ruồi/, âm thanh phát ra khi cô chụm hai chân rồi nhảy vào vũng nước....
Khi chị gái Ku-chi-tô thành lập Ana-ca-ô-na/, nhóm nhảy nữ đầu tiên của Cu-ba/, cô bé Mi-lô 10 tuổi/ đã gia nhập ban nhạc với vai trò một tay trống.
- GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2.
- GV nhận xét sửa sai.

2.2. HS luyện đọc diễn cảm:

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật .
- Mời 5 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai phát âm.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
 - + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
 - + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
 - + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
 - + GV nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (30 – 35')

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Bài đọc cho biết những thông tin nào về Mi-lô?

ước mơ nơi ở đam mê thành tích nổi bật

Trả lời: - *Ước mơ: được chơi trống trong một ban nhạc.*

- *Nơi ở: một hòn đảo nhỏ ngập tràn không khí âm nhạc ở Cu-ba.*

- *Đam mê: chơi trống*

- *Thành tích nổi bật:*

+ *Có thể chơi được rất nhiều loại trống.*

+ *Là một tay chơi trống trong Ana-ca-ô-nô – nhóm nhảy nữ đầu tiên của Cu-ba khi 10 tuổi.*

+ *Trở thành một nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.*

Câu 2: Mọi người làm gì khi thấy Mi-lô chơi trống? Vì sao họ lại làm như vậy?

Trả lời: - *Khi thấy Mi-lô tập chơi trống, mọi người thường hét lên: "Về nhà ngay! Nhạc cụ này không dành cho con gái".*

- *Họ làm như vậy vì người dân trên đảo ngăm quy ước: chỉ con trai mới được chơi trống.*

Câu 3: Hành trình trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới của Mi-lô có những thuận lợi và khó khăn gì?

Trả lời: a. *Thuận lợi:*

+ *Sống trên hòn đảo tràn ngập không khí âm nhạc ở Cu-ba.*

+ *Đam mê của cô bé rất mãnh liệt, không từ bỏ dù bị người dân trên đảo ngăn cản.*

+ *Tài năng sẵn có ở Mi-lô khiến cho cô bé sớm thành công khi mới 10 tuổi*

+ *Bố của Mi-lô cũng chấp thuận cho việc cô bé tham gia một lớp nhạc cụ.*

+ *Được người thầy nhận ra tài năng và bắt đầu dạy dỗ cô mỗi ngày.*

+ *Được chị gái cho tham gia vào Ana-ca-ô-na do chị thành lập.*

b. *Khó khăn: người dân trên đảo không đồng ý với việc cô bé chơi trống: "Nhạc cụ này không dành cho con gái" và nhạc cụ này khá tốn sức lực nên vất vả.*

Câu 4: Dựa vào bài đọc, hãy cho biết vì sao Mi-lô trở thành một nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.

Trả lời: *Mi-lô trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới là vì:*

- *Cô bé có ước mơ và đam mê chơi trống cháy bỏng từ bé.*

- *Cô bé có tài năng chơi trống.*

- *Sự quyết tâm, nỗ lực vượt qua khó khăn, định kiến.*

- *Được sự ủng hộ của bố.*

- *Được sự dạy dỗ nhiệt tình của thầy.*

Câu 5: Em có ấn tượng nhất với hành động nào của Mi-lô? Vì sao?

- GV giải thích thêm Câu chuyện muốn nói với chúng ta rằng Mi-lô không từ bỏ đam mê chơi trống của cô bé khi bị người dân trên đảo ngăn cản.

Trả lời: *HS trả lời theo suy nghĩ*

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: **Để thực hiện ước mơ, mỗi người cần nỗ lực, cố gắng vượt lên hoàn cảnh, vượt lên khó khăn.**

3.2. Luyện đọc diễn cảm:

- GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm và đưa ra tiêu chí đọc để HS nhận xét.
- Mời một số học sinh đọc nối tiếp.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3.3. Luyện tập theo văn bản đọc:

Bài 1.: Những sự vật nào dưới đây được gọi là nhạc cụ?

GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1

- A. trống đồng
- B. pi-a-no
- C. sáo trúc
- D. ghi-ta
- E. chuông
- G. vi-ô-lông
- H. còi
- I. trống cơm

- Mời học sinh làm việc nhóm 4.
- Mời đại diện các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 2: Tìm từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.

Nghề nghiệp	Công việc	Sản phẩm
họa sĩ	vẽ	tranh
nhạc sĩ	?	?
nhà văn	?	?
kiến trúc sư	?	?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.
- Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng:

Nghề nghiệp	Công việc	Sản phẩm
họa sĩ	vẽ	tranh
nhạc sĩ	sáng tác	bài hát
nhà văn	sáng tác, viết	tác phẩm văn học
kiến trúc sư	vẽ, thiết kế	công trình kiến trúc

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.
- Nội dung trò chơi:

Câu 1: Nghề sĩ Biên chế tác chiếc trống của mình từ vật liệu gì?

- a) Gỗ quý
- b) Thân cây xoan đào**
- c) Đá
- d) Kim loại

Câu 2: Âm thanh của chiếc trống do nghệ sĩ Biên chế tác được mọi người miêu tả như thế nào?

- a) Âm thanh vang dội, mạnh mẽ như sấm rền.
- b) Âm thanh lúc trầm, lúc bổng như tiếng nói của núi rừng.**
- c) Âm thanh vui tươi, rộn rã như tiếng cười nói của con người.
- d) Âm thanh nhẹ nhàng, du dương như tiếng suối chảy.

Câu 3: Chi tiết nào cho thấy nghệ sĩ Biên rất yêu quý chiếc trống của mình?

- a) Ông đặt tên cho nó là "Giọng Rừng".
- b) Ông thường xuyên lau chùi, bảo quản nó cẩn thận.
- c) Cả hai đáp án a và b đều đúng.**
- d) Không có đáp án nào đúng.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 7: Những bức chân dung.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 6: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM (Tiết 20)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tìm hiểu được cách viết báo cáo thảo luận nhóm.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để nêu ý kiến của mình với tập thể.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV YC HS chia sẻ cảm nhận của mình về bài đọc: Nghệ sĩ trống.
- HS chia sẻ những suy nghĩ, cảm nhận của mình về bài đọc.
- GV nhận xét câu trả lời, lưu ý học sinh trả lời đầy đủ câu.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành: (20 – 25')

Bài 1. Đọc báo cáo dưới đây và trả lời câu hỏi.

a. Báo cáo trên viết về vấn đề gì?

b. Báo cáo do ai viết và được gửi cho ai?

c. Báo cáo gồm mấy phần? Mỗi phần gồm những thông tin gì?

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- GV mời cả lớp làm việc chung:

- GV mời một số HS trình bày.

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung đúng:

Đáp án: a. Báo cáo trên viết kế hoạch chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

b. Báo cáo do thư kí Hoàng Ngọc Xuân viết và được gửi cho cô giáo chủ nhiệm lớp 4A.

c. Báo cáo gồm 5 phần:

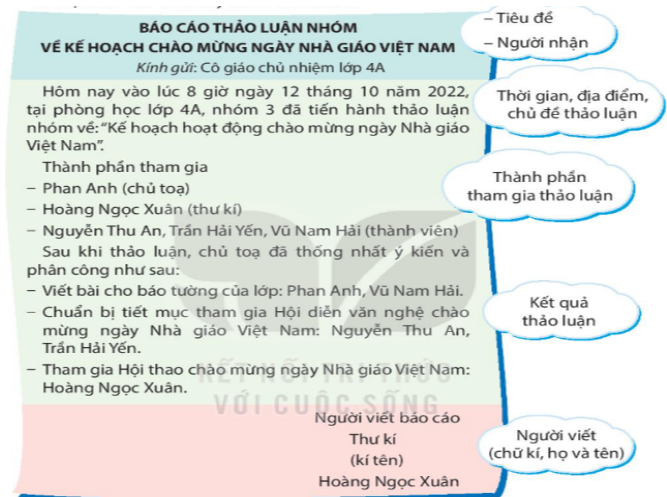
- Phần 1: Tiêu đề, người nhận

- Phần 2: Thời gian, địa điểm, chủ đề thảo luận

- Phần 3: Thành phần tham gia thảo luận

- Phần 4: Kết quả thảo luận

- Phần 5: Người viết (chữ kí, họ và tên)

Bài 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận.

Tiêu đề

Người viết,
người nhận

Nội dung

Cách trình bày

- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu. - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- GV mời cả lớp làm việc nhóm bàn.

- Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả.

- Đại diện các nhóm trình bày:

Báo cáo thảo luận nhóm thường gồm 3 phần:

+ Phần đầu (tiêu đề, người nhận).

+ Phần chính (thời gian, địa điểm, chủ đề thảo luận, người tham gia thảo luận, kết quả thảo luận).

+ Phần cuối (chữ kí và tên của người viết báo cáo).

- GV mời các nhóm nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- GV rút ra ghi nhớ:

Ghi nhớ

Báo cáo thảo luận nhóm thường gồm 3 phần:

- Phần đầu (tiêu đề, người nhận).

- Phần chính (thời gian, địa điểm, chủ đề thảo luận, người tham gia thảo luận, kết quả thảo luận).

- Phần cuối (chữ kí và tên của người viết báo cáo).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi "Ai là người sáng tạo".

+ GV chuẩn bị một câu chuyện ngắn. Yêu cầu các nhóm đọc và viết ý kiến của nhóm mình về câu chuyện đó (nêu ý kiến thích hoặc không thích, vì sao)

+ Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS)

+ Mời các nhóm trình bày.

- Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,...
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 6: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN BỐN ANH TÀI (Tiết 21)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nghe hiểu câu chuyện *Bốn anh tài*, trả lời câu hỏi dưới tranh, kể lại được 1,2 đoạn trong câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý (không bắt buộc kể nguyên văn câu chuyện).
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + Câu 1: Kể tên một người bạn thân của em.
- + Câu 2: Giới thiệu điều em ngưỡng mộ và học tập ở người đó
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (20 – 25 ')

2.1. Nghe kể chuyện và ghi lại những chi tiết quan trọng.

- GV giới thiệu về nhân vật Cầu Khây và những người bạn, nhân vật yêu tinh trong 4 bức tranh.
- + GV kể lần 1 kết hợp chỉ vào các hình ảnh trong tranh.
- + GV kể lần 2 kết hợp hỏi HS về những nhân vật trong tranh.
- + GV mời một số HS khác phát biểu về tự nhận xét của bạn.
- GV mời học sinh làm việc cá nhân, mỗi HS tự viết ra giấy 3 điểm nổi bật của bản thân, sau đó tềng em đọc trước lớp.
- Cả lớp nhận xét, phát biểu.
- GV nhận xét, tuyên dương.

2.2. Trả lời câu hỏi dưới tranh

- GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 thực hiện trả lời các câu hỏi.
- HS thảo luận nhóm 4. Trao đổi và thực hiện yêu cầu.

+ Vì sao Cầu Khây lên đường diệt yêu tinh?.

- *Tranh 1: Trong vùng xuất hiện một con yêu tinh chuyên bắt người và súc vật làm cho làng bản tan hoang, nhiều nơi không ai còn sống sót. Thương dân bản, Cầu Khây quyết chí lên đường diệt trừ yêu tinh.*

+ Cầu Khây tìm được những người bạn nào để tiêu diệt yêu tinh?

- Tranh 2: Cầu Khây đi diệt trừ yêu tinh cùng 3 người bạn: Năm Tay Đóng Cọc, Lấy Tai Tát Nước và Móng Tay Đục Máng.

+ **Cầu Khây và những người bạn đã chiến đấu với yêu tinh như thế nào?**

- Tranh 3: Những người bạn của Cầu Khây đã chiến đấu với yêu tinh:

+ **Câu chuyện kết thúc ra sao?**

- Tranh 4: Yêu tinh đã bị diệt trừ. Từ đây, bản làng lại đông vui, cuộc sống của dân lại bình yên trở lại.

- GV mời các nhóm trình bày và chia sẻ kết quả.

- GV mời các nhóm khác nhận xét.

- Giáo viên nhận xét, tuyên dương

2.3. Kể lại câu chuyện.

- GV nêu yêu cầu của bài tập, hướng dẫn HS cách thực hiện.

- Cho HS kể lại câu chuyện theo nhóm.

- Giáo viên nhận xét, tuyên dương

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài đọc.

- GV cho HS thực hiện *Kể với người thân câu chuyện “ Bốn anh tài”*.

- GV đưa câu hỏi để củng cố nội dung bài đọc:

Câu 1: Vua cha đã giao cho bốn người con những vật gì để thử thách?

a) **Cung tên, túi gạo, con ngựa sắt, quyền sách.**

b) Gươm báu, áo giáp, ngựa chiến, thuyền rồng.

c) Lúa giống, trâu cày, vàng bạc, đất đai.

d) Cây đàn, cái bút, con dao, hòn đá.

Câu 2: Người em út đã sử dụng quyền sách thần như thế nào để giúp đỡ mọi người?

a) Biến thành chim đại bàng để bay đi do thám.

b) Biến thành người khổng lồ để chiến đấu với yêu quái.

c) **Biến ra thức ăn khi mọi người bị đói, biến ra thuyền bè khi gặp sông.**

d) Biến thành con cá vàng để đi tìm kho báu.

Câu 3: Bài học ý nghĩa nhất mà em rút ra được từ câu chuyện "Bốn anh tài" là gì?

a) Sức mạnh phi thường có thể giúp con người làm được mọi việc.

b) **Trí thông minh và lòng nhân ái là những phẩm chất đáng quý nhất.**

c) Phải biết vâng lời cha mẹ, anh chị.

d) Cần phải chăm chỉ học tập để trở thành người tài giỏi.

- HS đưa ra câu trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá và chốt câu trả lời đúng.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức: Tìm và nhận biết danh từ chỉ sự vật, Danh từ chỉ thời gian, danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên. Xác định được danh từ chung, danh từ riêng và cách viết.

- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn”

- Nội dung trò chơi: GV yêu cầu học sinh nối các danh từ với tên nhóm thích hợp:

Mùa hè	Thầy giáo	Mùa thu	Bố	Bạn bè	Năm học	Gió	Ghế	Học sinh	bàn	Nắng	Hôm nay	Cô giáo	Lá	Mẹ
--------	-----------	---------	----	--------	---------	-----	-----	----------	-----	------	---------	---------	----	----

Danh từ chỉ người

Danh từ chỉ vật

Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên

Danh từ chỉ chỉ thời gian

+ Thời gian chơi: 1 phút

- HS chơi trò chơi.

- GV nhận xét, tuyên dương đội thắng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)

Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.

- GV đưa ra yêu cầu: HS đọc phiếu, quan sát yêu cầu của phiếu BT và hoàn thành bài.

- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.

- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.

Bài 1: Tìm các danh từ trong đoạn văn sau, xếp vào nhóm thích hợp.

Có một cây sồi mọc ở bờ sông. Nó cao lớn sừng sững, khinh khỉnh nhìn xuống đám sậy nhỏ bé, thấp chùn dưới chân mình.

Thế rồi một hôm, trời nổi cơn cuồng phong dữ dội. Cây sồi bị bão thổi nghiêng ngả. Cành lá dập nát, tả tơi. Suốt đêm chống chọi không nổi, cây sồi bật gốc, đổ xuống dòng sông, cuốn trôi theo dòng nước. Nó phát hiện thấy những cây sậy nhỏ bé mọc ở hai bên bờ sông vẫn đứng hiên ngang.

a) Danh từ chỉ sự vật

b) Danh từ chỉ thời gian

c) Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS thảo luận nhóm 4.

- Đại diện nhóm chia sẻ đáp án của nhóm.

- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến. GV chốt đáp án đúng:

Danh từ chỉ sự vật	Danh từ chỉ thời gian	Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên
Cây sồi, bờ sông, đám sậy, chân, trời, cành lá, dòng nước,	một hôm, đêm	cuồng phong, bão,

→ GV chốt kiến thức cách nhận biết về các loại danh từ.

Bài 2: Tìm danh từ chung và danh từ riêng (chưa được viết hoa) trong đoạn thơ. Viết hoa cho đúng vào phần trống ở dưới.

Than phần mẽ, thiếc cao bằng

Phố phường như nắm như măng giữa trời. [...]
 Ai về mua vại hương cạnh
 Ai lên mình gửi cho anh với nàng.
 Chiều nga sơn, gạch bát tràng
 Vải tơ nam định lụa hàng hà đông.

(Theo Tố Hữu)

- Danh từ chung

M: than,

- Danh từ riêng

M: Phan Mỹ,

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS làm bài cá nhân vào vở.

- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.

- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

- GV chốt đáp án đúng:

Danh từ chung	Danh từ riêng
than, thiếc, phố phường, nắm, măng, trời, vại, anh, nàng, chiều, gạch, vải tơ, lụa.	Phan Mỹ, Cao Bằng, Hương Canh, Nga Sơn, Bát Tràng, Nam Định, Hà Đông.

→ GV củng cố kiến thức cách viết, nhận biết danh từ chung và danh từ riêng.

Bài 3: Viết 2 câu có dùng danh từ chỉ thời gian, chỉ sự vật, chỉ hiện tượng tự nhiên để nói về cây sồi và cây sậy trong bài đọc trên.

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS làm bài cá nhân vào vở.

- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.

- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

Câu 1: Từ nào sau đây là danh từ riêng?

a) Hải Phòng

b) Sông

c) Núi

d) Trường học

Câu 2: Trong câu "Mùa thu, hoa sữa thơm ngát cả Hà Nội.", từ nào là danh từ chung?

a) Mùa thu

b) Hoa sữa

c) Hà Nội

d) Thơm ngát

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây giúp em phân biệt danh từ riêng và danh từ chung?

a) Danh từ riêng và danh từ chung đều được viết hoa chữ cái đầu.

b) **Danh từ riêng thường được viết hoa chữ cái đầu, danh từ chung thì không.**

c) Danh từ riêng chỉ người, danh từ chung chỉ vật.

d) Danh từ riêng là danh từ chỉ một sự vật, hiện tượng; danh từ chung là danh từ chỉ nhiều sự vật, hiện tượng.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức Danh từ chung và danh từ riêng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Dựa vào bài viết tìm tìm được lỗi sai trong đoạn và sửa lỗi sai cho đúng.
- Hình thành và phát triển kỹ năng dùng từ phù hợp với văn cảnh .
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ.
- Nội dung trò chơi: + Báo cáo thảo luận nhóm gồm có mấy phần?
+ Khi thảo luận nhóm cần lưu ý những gì?
- HS trả lời câu hỏi, chia sẻ hiểu biết của mình.
- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời câu hỏi.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)

Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.

- GV đưa ra yêu cầu:

Đề bài: Đọc đoạn văn dưới đây và thực hiện yêu cầu:

Trong tổ của em , mỗi bạn một kiểu .Bạn Vân Anh rất điệu đà ,duyên dáng, hằm hỏ Bạn Nhi lại điềm đạm , láu táu, ít nói, nhưng bạn ấy là một “ca sĩ” của lớp. Bạn Hải ngịch ngợm ,chăm học nhất lớp ,có biệt danh là “cây toán.” Bạn Quang cao kều, nhưng thông minh, láu lỉnh nhất tổ, được gọi là “Vinh lém”. Ngồi cùng bàn với Quang là bạn Vinh “vòi” tạo thành một cặp “bóng nhựa” và” bút thép” của tổ. Với em bạn nào cũng rất dễ thương.

chỉ

a. Chỉ ra các lỗi trong đoạn .

b. Sửa lỗi và chép lại đoạn văn .

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.
- GV gọi 4-5 em đọc đoạn văn trước lớp.
- Yêu cầu học sinh nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và đặt câu cho các em.
- GV thu vở chấm bài cho 1 số em
- Nhận xét chung về bài làm của cả lớp. Khen ngợi các em làm bài tốt. Lưu ý các lỗi học sinh hay mắc phải.

- GV chốt đáp án đúng: a, lỗi sai là cách dùng chưa hợp lí như: kiểu. hàm hồ, lầu tầu, nghịch ngợm.
- sai ở cách ngắt câu (VD: còn dùng dấu phẩy trước từ “nhưng 1”. từ” nhưng” thứ 2 dùng chưa phù hợp với nghĩa của câu.
- => GV củng cố kiến thức: *củng cố cách dùng từ viết câu, Cách dùng dấu phẩy và từ nối sao cho phù hợp.*

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

Câu 1: Báo cáo thảo luận nhóm cần có những nội dung chính nào?

- Tên bài học, kết quả thảo luận, người trình bày.**
- Tên bài học, danh sách thành viên, nhận xét của giáo viên.
- Kết quả thảo luận, ý kiến của nhóm trưởng, điểm của từng thành viên.
- Hình ảnh minh họa, kết quả thảo luận, chữ ký của giáo viên.

Câu 2: Khi viết báo cáo thảo luận nhóm, chúng ta cần lưu ý điều gì?

- Viết ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu.**
- Sử dụng nhiều hình ảnh minh họa đẹp mắt.
- Chỉ cần nêu ý kiến của nhóm trưởng.
- Viết dài, chi tiết tất cả nội dung đã thảo luận.

Câu 3: Lợi ích của việc viết báo cáo thảo luận nhóm là gì?

- Giúp nhóm trưởng thể hiện khả năng lãnh đạo.
- Giúp ghi nhớ nội dung bài học tốt hơn, rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến trước tập thể.**
- Giúp nhóm có điểm cao hơn trong giờ học.
- Tất cả các đáp án trên đều đúng.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.
- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức để viết báo cáo thảo luận nhóm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH (TIẾT 11)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết và nắm được cách giải bài toán có ba bước tính (phân tích tóm tắt đề bài, tìm cách giải, trình bày bài giải)
- Vận dụng giải được các bài toán thực tế có ba bước tính.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: File bài giảng.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:
 - + Tranh vẽ gì? (Tranh vẽ các cô chú đang trồng cây)
 - + Hai bạn Việt và bạn Nam nói chuyện gì với nhau? (Hai bạn đang nói tới số cây của mỗi đội (3 đội))

- + Trong toán học, ta làm thế nào để biết được số cây trồng của cả ba đội? (Câu hỏi mở)
- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ.
- GV giới thiệu- ghi bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (10 - 15')

- Theo các em muốn giải được bài toán này ta làm thế nào?
(Ta phải biết được số cây của mỗi đội)
- + *Đội 1 trồng được bao nhiêu cây? (Đội 1 trồng được bao 60 cây)*
- + *Muốn biết đội 2 trồng được bao nhiêu cây ta làm thế nào? (Thêm 20 cây vào số cây của đội 1 sẽ được số cây của đội 2.)*
- + *Vậy ta làm phép tính gì? (Ta làm phép tính cộng, lấy $60 + 20 = 80$ cây.)*
- + *Muốn biết đội 3 trồng được bao nhiêu cây ta làm thế nào? (Bớt 10 cây vào của đội 2 sẽ được số cây của đội 3).*
- + *Ta làm tính gì ? (Ta làm phép tính trừ, lấy $80 - 10 = 70$ cây.)*
- + *Cuối cùng ta làm gì ? Tính như thế nào? (Tìm tổng số cây của cả ba đội trồng được: Làm tính cộng:*

$$60 + 80 + 70 = 210 \text{ cây}$$

- Đưa sơ đồ tóm tắt bài toán như SGK lên bảng.
- Mời 1 HS lên bảng thực hiện. HS dưới lớp làm nháp.

Bài giải:

Số cây đội Hai trồng được là:

$$60 + 20 = 80 \text{ (cây)}$$

Số cây đội Ba trồng được là:

$$80 - 10 = 70 \text{ (cây)}$$

Số cây cả ba đội trồng được là:

$$60 + 80 + 70 = 210 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 210 cây

- YC HS thảo luận cặp nêu các bước giải bài toán này.
- GV chốt: Ta có thể tính theo ba bước
 - Tìm số cây của đội Hai
 - Tìm số cây của đội Ba

Tìm số cây của ba đội

3. Hoạt động luyện tập, thực hành (15 – 18')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 20/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chú bài.

Bài 1:

- Gọi HS đọc bài toán.
- Bài toán cho chúng ta biết gì?
- Bài toán hỏi gì?
- Cho HS thảo luận, làm bài vào bảng nhóm
- Yêu cầu HS chia sẻ.

Bài giải:

Số tiền mua 5 quyển vở là:

$$8\,000 \times 5 = 40\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền mua hai hộp bút là:

$$25\,000 \times 2 = 50\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền phải trả tất cả là:

$$40\,000 + 50\,000 = 90\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 90 000 đồng

- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

***GV kết luận:** *Củng cố cách giải bài toán có ba bước tính.*

Bài 2.

- Gọi HS đọc bài toán.

+ Bài toán cho chúng ta biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

- Cho HS làm bài vào vở, chia sẻ.

Bài giải:

Số túi táo là:

$$40 : 8 = 5 \text{ (túi)}$$

Số túi cam là:

$$36 : 6 = 6 \text{ (túi)}$$

Số túi cam nhiều hơn số túi táo là:

$$6 - 5 = 1 \text{ (túi)}$$

Đáp số: 1 túi

***GV kết luận:** *Củng cố cách giải bài toán có ba bước tính.*

4. Vận dụng, trải nghiệm (1 - 2')

+ Em hãy tính nhanh đáp số bài toán:

+ Bạn Nam có 10 viên bi. Bạn Tú có nhiều hơn bạn Nam 4 viên bi. Bạn Sơn có nhiều hơn bạn Tú 3 viên bi. Hỏi cả ba bạn có bao nhiêu viên bi ? (Đáp số: 41 viên bi)

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

LUYỆN TẬP (TIẾT 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vận dụng cách giải bài toán có ba bước tính để giải được các bài toán thực tế có liên quan

- Biết cách diễn đạt, trình bày bài giải liên quan đến ba bước tính.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- Trò chơi “Ai nhanh trí”

Nêu cách giải và đáp số bài toán: Bạn Nam cắt được 8 ngôi sao. Bạn Tú cắt được nhiều hơn bạn Nam 4 ngôi sao. Bạn Sơn cắt được nhiều hơn bạn Tú 3 ngôi sao. Hỏi cả ba bạn cắt được bao nhiêu ngôi sao?

- GV giới thiệu - ghi bài.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kỹ bài tập 1, 2, 3, 4, (Trang 20/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu.

- Cho HS thảo luận: phân tích đề bài, nêu các bước giải, làm bài vào vở.
- Mời HS chia sẻ

Bài giải

Số vịt trong đàn vịt nhà bác Đào là:

$$1200 - 300 = 900 \text{ (con)}$$

Số vịt trong đàn vịt nhà bác Cúc là:

$$1200 + 500 = 1700 \text{ (con)}$$

Tất cả số vịt của ba bác là:

$$1200 + 900 + 1700 = 3800 \text{ (con)}$$

Đáp số: 3800 con vịt

***GV kết luận: Củng cố cách giải bài toán có ba bước tính.**

Bài 2:

- Gọi HS đọc bài toán.
- HD HS phân tích đề bài toán.
- Yêu cầu HS thảo luận làm bài trên bảng nhóm
- Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài

Bài giải

Số lít nước mắm bán ở lần hai là:

$$25 \times 2 = 50 \text{ (lít)}$$

Số lít nước mắm bán ở ba lần là:

$$25 + 50 + 35 = 110 \text{ (lít)}$$

Số lít nước mắm còn lại trong thùng là:

$$120 - 110 = 10 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 10 lít

- GV nhận xét, khen ngợi

Bài 3.

- GV đưa sơ đồ bài toán như SGK
- Yêu cầu HS dựa vào sơ đồ nêu đầu bài toán. GV sửa sai cho từng em
- Cho HS tự làm bài
- GV quan sát sửa lỗi cho từng em.

Bài giải

Số quả bưởi là:

$$12 \times 2 = 24 \text{ (quả)}$$

Số quả xoài là:

$$24 + 13 = 37 \text{ (quả)}$$

Cả sầu riêng, xoài và bưởi có số quả là:

$$12 + 24 + 37 = 73 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 73 quả

- Nhận xét, tuyên dương những HS làm đúng, làm nhanh

Bài 4.

- Gọi HS đọc bài toán.
- Gọi HS phân tích đề bài toán.
- Yêu cầu HS thảo luận làm bài vào vở
- Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài

Bài giải

Thứ bảy bán được là:

$$12 + 5 = 17 \text{ (máy)}$$

Chủ nhật bán được là:

$$17 + 10 = 27 \text{ (máy)}$$

Cả ba ngày bán được là:

$$12 + 17 + 27 = 56 \text{ (máy)}$$

Đáp số: 56 máy tính

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Yêu cầu HS tính nhanh và điền kết quả tính vào chỗ chấm của bài toán.

+ Bạn Lan có 9 nhãn vở, bạn Thư có số nhãn vở gấp đôi số nhãn vở của bạn Lan. Bạn Hà có ít hơn bạn Thư 5 nhãn vở. Như vậy ba bạn có nhãn vở.

- GV nhận xét

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

B LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 13)

. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Xác định được số chẵn, số lẻ, số bé nhất, số lớn nhất trong 4 số có năm chữ số; viết được 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn.

- Làm tròn được số có năm chữ số đến hàng chục, hàng chục nghìn.

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân.

- Qua giải bài toán thực tế giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: File bài giảng.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

Hỏi nhanh đáp gọn:

- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?

- Thực hiện phép tính:

$$64\,567 - 37\,689 = ?$$

$$3\,245 \times 6 = ?$$

- GV giới thiệu - ghi bài.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4, (Trang 21/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS làm bài cá nhân.

- HS chia sẻ trước lớp thông qua trò chơi truyền bóng.

Kết quả:

a) Các số chẵn là 63 794, 59 872

- Các số lẻ là 65 237, 66 053.

b) 59872, 63 794, 65 237, 66 053

c) 59 870 d) 70 000

- GV nhận xét, khen ngợi.

***GV kết luận: Củng cố cách nhận biết số chẵn lẻ, cách sắp xếp, làm tròn đến hàng chục và chục nghìn.**

Bài 2.

Yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó chiếu bài một số HS lên MHTT để chấm, chữa bài.

$$\begin{array}{r} 63\,758 \\ - 5\,364 \\ \hline 58\,394 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 37\,429 \\ + 49\,235 \\ \hline 86\,664 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8\,107 \\ \times 9 \\ \hline 72\,963 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 43\,652 \\ 16 \\ 25 \\ 4 \\ \hline 6253 \end{array}$$

- Yêu cầu HS nêu lại cách làm.
- GV khen ngợi HS.

***GV kết luận: Củng cố cách đặt tính**

Bài 3.

- HS làm bài tính giá trị của biểu thức ra nháp, sau đây
- Cách nhóm tham gia trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để nối các con tàu về bến sao cho phù hợp.

***GV kết luận: Củng cố cách viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.**

Bài 4.

- GV yêu cầu HS làm bảng con.
- HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng.
- a) Ngày thứ Tư tiêm được nhiều liều vắc-xin nhất; ngày thứ Năm tiêm được ít liều vắc-xin nhất
- b) Thứ Năm, thứ Ba, thứ Hai, thứ Tư
- HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.

***GV kết luận: Củng cố về cách tìm số lớn nhất, số bé nhất, sắp xếp bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn vào thực tế.**

Bài 5.

- HS đọc yêu cầu.
- HS thực hiện theo nhóm, 1 nhóm lên trình bày cách làm.
- GV nhận xét, tuyên dương.

***GV kết luận: Củng cố về cách tìm số bé nhất có năm chữ số.**

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm(3 – 5’)

- Làm thế nào để tìm được số bé nhất, số lớn nhất trong các số đã cho?
- Nêu cách so sánh các số ?
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾT 14)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được đơn vị đo góc: độ ($^{\circ}$).
- Sử dụng được thước đo góc để đo các góc: 60° , 90° , 120° , 180° .
- Đọc viết đúng đơn vị đo góc; sử dụng thước đo góc đo được đúng các góc theo

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: File bài giảng.
- Học sinh: SGK,

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')**

- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ ý a trong SGK.
- + Tranh vẽ gì?
- Tranh vẽ hai góc nhọn AOB và MPN và hai bạn đang tranh luận với nhau.
- + Hai bạn Việt và bạn Nam nói chuyện gì với nhau?
- Hai bạn nêu ý kiến của mình về sự so sánh góc AOB và góc MPN.
- + Đối với các góc, ta làm thế nào để biết được góc nào lớn hơn, góc nào bé hơn? (câu hỏi mở)
- GV giới thiệu: - ghi bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức: (10 – 12')

- a. Yêu cầu HS quan sát 2 góc nhọn AOB và MPN.
- + Theo em, góc nào lớn hơn, góc nào bé hơn ? (góc MPN lớn hơn góc AOB)
- + Em làm cách nào để biết điều đó ? (dùng thước đo để đo)
- GV giới thiệu: Để đo độ lớn của góc ta cần dùng thước đo độ - Cho HS quan sát thước đo độ.
- + Độ là đơn vị đo góc, kí hiệu là $^{\circ}$ (viết ở trên số). Chẳng hạn một độ viết là 1° .
- GV thao tác sử dụng thước đo độ đo góc AOB và góc MPN
- + Góc đỉnh O, cạnh OA, OB bằng ba mươi độ. Ba mươi độ viết là 30°
- b. Cách đo góc bằng thước đo góc.
- GV thao tác trên bảng để HS cùng thực hiện
- Đo góc đỉnh O cạnh OA, OB:
- . Đặt đỉnh O của góc trùng với tâm của thước đo góc; cạnh OB nằm trên đường kính của nửa hình tròn của thước.
- . Cạnh OA đi qua một vạch trên nửa đường tròn của thước, chẳng hạn vạch ghi số 30, ta được số đo góc đỉnh O, cạnh OA, OB bằng 30° .
- GV vẽ một, hai góc lên bảng, gọi HS lên thực hành.
- GV lưu ý HS cách cầm thước đo sao cho chính xác

3. Hoạt động luyện tập, thực hành (10 - 12')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 24/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chú bài.
- Gọi HS đọc bài toán: Quan sát thước đo góc rồi nêu số đo của mỗi góc.
- Yêu cầu HS chia sẻ.
- HS nêu số đo của mỗi góc : Góc đỉnh O, cạnh OD, OC bằng 90° ; góc đỉnh O, cạnh OE, OM bằng 120° ; góc đỉnh O, cạnh ON, OP bằng 180°

Bài 2.

- Gọi HS đọc bài toán: Quan sát tranh rồi nêu số đo các góc.
- Yêu cầu HS chia sẻ.

- HS nêu số đo của mỗi góc: Góc đỉnh N, cạnh NM, NH bằng 60° ; góc đỉnh H, cạnh HM, HN bằng 90° ; góc đỉnh C, cạnh CA, CD bằng 120° ; góc đỉnh D, cạnh DA, DB bằng 60° .

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2- 3')

+ Để đo góc ta cần dùng dụng cụ nào ? Tên đơn vị đo góc là gì ?

- Cho HS đo một, hai góc của khung sắt cửa sổ lớp học

- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾT 15)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đơn vị đo góc: độ ($^\circ$)

- Sử dụng được thước đo góc để đo các góc: 60° , 90° , 120° , 180°

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

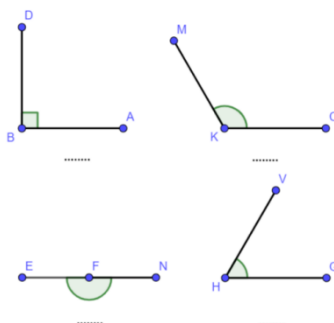
- File bài giảng, thước thẳng, thước đo độ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV phát bài tập khởi động, yêu cầu HS nhóm đôi thực hiện:

Dùng thước đo các góc trong hình dưới đây và viết số đo góc đó vào chỗ chấm



- Sau 2p, GV mời đại diện 1 – 2 nhóm nêu đáp án

- GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt HS vào bài học.

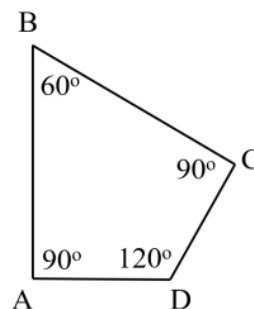
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 25/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

Nêu số đo góc (theo mẫu)

Góc	Số đo góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AD	90°
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC	?
Góc đỉnh C; cạnh CB, CD	?
Góc đỉnh D; cạnh DA, DC	?



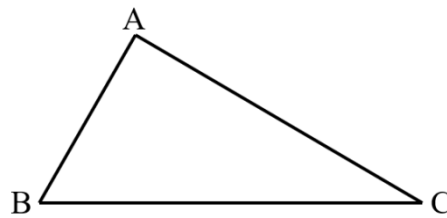
- GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ, dựa vào mẫu để nêu (viết) được số đo góc thích hợp

- GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc đáp án trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài
- Kết quả:

10/29/2024 Góc	Số đo góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AD	90°
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC	60°
Góc đỉnh C; cạnh CB, CD	90°
Góc đỉnh D; cạnh DA, DC	120°

Bài 2.

Dùng thước đo góc để đo góc đỉnh B; cạnh BA, BC



- GV yêu cầu HS tự dùng thước đo góc để đo được góc đỉnh B; cạnh BA, BC trong SGK
- GV cho HS tự làm bài, chia sẻ kết quả nhóm đôi.
- GV nhận xét, chữa bài
- Kết quả:

Góc đỉnh B; cạnh BA, BC bằng 60°

Bài 3.

Dùng thước đo góc để đo các góc được tạo bởi hai kim đồng hồ khi đồng hồ chỉ 3 giờ, 4 giờ, 6 giờ, 2 giờ



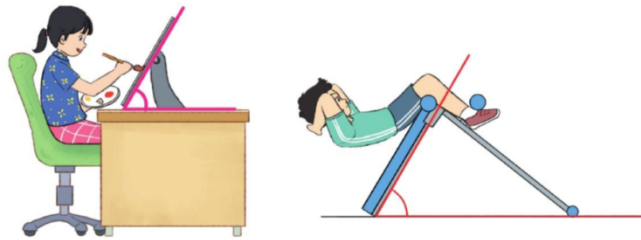
- GV yêu cầu HS tự dùng thước đo góc để đo góc tạo bởi hai kim đồng hồ trong các hình
- GV cho HS tự làm bài, chia sẻ kết quả nhóm đôi.
- GV nhận xét, chữa bài
- Kết quả:

Số đo góc được tạo bởi hai kim đồng hồ ở

- + Hình A: 90°
- + Hình B: 120°
- + Hình C: 180°
- + Hình D: 60°

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 - 3')

Trong thực tế, người ta thiết kế nhiều vật dụng có thể điều chỉnh được góc để phù hợp với các mục đích khác nhau. Em hãy đo và nêu số đo góc trong mỗi trường hợp sau:



- GV yêu cầu HS nhóm đôi cùng thực hiện bài tập.
- GV mời đại diện nhóm nêu số đo góc trong các trường hợp, đại diện các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét
- GV đánh giá, chữa bài
- Kết quả:

Em đo góc và xác định được: Cả hai góc đều có số đo là 60°

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.
- Ôn tập kiến thức đã học.
- Hoàn thành bài tập trong SBT.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN TƯ DUY

BÀI 3: TÍNH CHẴN - LẺ (TIẾT 5 + 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh biết cách dự đoán kết quả là số chẵn hay số lẻ mà không cần thực hiện phép tính.
- Bài toán về tính chẵn – lẻ là một dạng của bài toán bất biến (sẽ được học ở lớp trên).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập, 2 quân xúc sắc.
- HS: Vở ghi, đồ dùng học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động: (7 -10 phút)

- Giáo viên chia cả lớp thành các nhóm gồm 2 bạn. Mỗi nhóm nhận 1 (có thể phát thêm) phiếu 2.1.1 và 2 quân xúc sắc.

Luật chơi: Mỗi người chơi nhận một vai trò: một người chơi Chẵn (chiến đấu để đưa Chẵn đến đích đầu tiên), một người chơi Lẻ (chiến đấu để đưa Lẻ đến đích đầu tiên). Hai người chơi lần lượt tung 2 quân xúc sắc và xem tổng nhận được là chẵn hay lẻ. Nếu người chơi Chẵn nhận được tổng là chẵn thì được tiến 1 bước, đánh dấu X vào ô trống kế tiếp (theo cột tương ứng); nếu nhận được tổng là lẻ thì coi như mất lượt. Tương tự như vậy, nếu người chơi Lẻ nhận được tổng là lẻ thì được tiến 1 bước, đánh dấu X vào ô trống kế tiếp (theo cột tương ứng); nếu nhận được tổng là chẵn thì coi như mất lượt. Người chơi nào cán đích trước, người chơi đó giành chiến thắng.

2. Hoạt động Khám phá: (25 -30 phút)

Mục tiêu:

- Học sinh hiểu được mối liên hệ về tính chẵn – lẻ trong phép cộng, phép trừ.
- Học sinh được nhắc lại kiến thức đã học về tính chẵn – lẻ, biết cách ứng dụng để giải quyết bài toán.

Tính chẵn – lẻ

- Sau khi các nhóm hoàn thành trò chơi (3 – nhiều hơn 3 lượt chơi), giáo viên có thể hỏi các nhóm về kết quả chung cuộc. Ai là người giành chiến thắng? Chẵn hay lẻ?
- Và tiến tới kết luận: Chẵn + chẵn = chẵn, lẻ + lẻ = chẵn, chẵn + lẻ = lẻ và lẻ + chẵn = lẻ.
- Giáo viên liên kết với phép tính trừ, lấy một số ví dụ về phép trừ, cho học sinh tính kết quả và hỏi hiệu là chẵn hay lẻ. Dẫn dắt để học sinh đi tới kết luận về mối liên hệ giữa tính chẵn – lẻ của số bị trừ và số trừ với tính chẵn – lẻ của hiệu.
- Giáo viên lấy một số ví dụ về phép cộng, trừ giữa 2 hoặc nhiều hơn 2 số, yêu cầu học sinh không tính kết quả, hãy cho biết kết quả nhận được là số chẵn hay số lẻ, vì sao.
- Nếu còn thời gian và học sinh tiếp thu tốt, giáo viên có thể mở rộng thêm với phép nhân. Hỏi nếu một bạn là Chẵn, một bạn là Lẻ thì bạn nào có khả năng giành chiến thắng cao hơn? Hay hai bạn như nhau? Tại sao?

Hướng dẫn trực tiếp

- Giáo viên lấy một số ví dụ như hãy cho biết kết quả của phép tính $129 + 139 + 149 + 159 + 169$ là chẵn hay lẻ mà không thực hiện phép tính.
- Đây là bước đệm cho những bài toán về tính bất biến sau này (thầy cô có thể tìm hiểu thêm với từ khóa “parity”).
- + Hay phép tính: $129 + 139 - 149 + 159 - 169$
- + Hoặc $23 \times 24 \times 35 \times 36$ có kết quả là chẵn hay lẻ? Vì sao?
- Giáo viên lấy ví dụ tương tự bài 2 trong phiếu bài tập 2.1.2 và hướng dẫn học sinh đọc – hiểu đề để học sinh tự giải. Lưu ý: Coi vai trò của hai chiếc rô như nhau thì ta sẽ không cần liệt kê cả trường hợp $a + b$ và $b + a$; có thể hiểu nôm na $a+b$ là nếu chiếc rô thứ nhất đựng a quả táo, chiếc rô thứ hai đựng b quả táo, thì $b+a$ chính là cầm hai chiếc rô và đổi chỗ, nên ta không cần liệt kê thêm trường hợp $b + a$.

3. Hoạt động Luyện tập thực hành: (15 - 20 phút)

- Giáo viên nêu yêu cầu, hướng dẫn và cho học sinh làm bài trong phiếu 2.1.2 (bài 1, 2).
- + Nội dung: Tính chẵn – lẻ.
- BTVN: Phiếu bài tập 2.1.2 (bài 3, 4).
- Nếu học sinh tiếp thu tốt, giáo viên có thể tăng cường thêm một số bài toán tương tự bài 2 trong phiếu bài tập. Ví dụ: Có bao nhiêu cách chia 20 chiếc kẹo vào 2 chiếc túi sao cho số kẹo trong mỗi chiếc túi là một số lẻ? Hay có bao nhiêu cách chia 20 chiếc kẹo vào 3 chiếc túi sao cho số kẹo trong mỗi chiếc túi là một số chẵn?

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ

ÔN TẬP: GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH (Tiết 7)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập cách giải bài toán có ba bước tính (phân tích tóm tắt đề bài, tìm cách giải, trình bày bài giải).
- Vận dụng giải được các bài toán thực tế có ba bước tính.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV yêu cầu thành viên mỗi nhóm lấy 2 số bất kì rồi cả nhóm cùng xếp các số đó thành các số chẵn và các số lẻ.
- GV mời đại diện các nhóm đọc kết quả hoạt động nhóm, đại diện các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương, chuyển sang nội dung ôn tập.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Phiếu bài tập), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.
- **Bài 1:** Mẹ mua 5 hộp sữa và 3 kg đường. Mỗi hộp sữa có giá 7 000 đồng, 1 kg đường có giá 25 000 đồng. Hỏi mẹ đã mua cả sữa và đường hết bao nhiêu tiền?
- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập cá nhân.
- GV mời một HS lên trình bày thành bài giải trên bảng lớp.
- GV mời HS khác nhận xét kết quả của bạn.
- GV chốt đáp án.

Đáp án:

Bài giải

Số tiền mẹ mua sữa là:

$$7\,000 \times 5 = 35\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền mẹ mua đường là:

$$25\,000 \times 3 = 75\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền mẹ mua cả sữa và đường là:

$$35\,000 + 75\,000 = 110\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 110 000 đồng

Bài 2: Bạn An mua 4 quyển vở 100 trang, mỗi quyển giá 10 500 đồng và 2 bút chì, mỗi bút chì giá 5 500 đồng. Hỏi bạn An phải trả cho người bán hàng bao nhiêu tiền?

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.
- GV mời 2 HS trình bày câu trả lời.
- HS còn lại chú ý nghe, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

Đáp án:

Bài giải

Số tiền bạn An mua vở là:

$$10\,500 \times 4 = 42\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền bạn An mua bút chì là:

$$5\,500 \times 2 = 11\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền bạn An phải trả cho cô bán hàng là:

$$42\,000 + 11\,000 = 53\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 53 000 đồng

Bài 3: Để đi từ nhà đến trường, Minh phải đi qua hiệu sách. Quãng đường từ nhà Minh đến hiệu sách dài 700 m và dài hơn quãng đường từ hiệu sách đến trường là 230 m. Hỏi quãng đường từ nhà Minh đến trường dài, cả đi và về dài bao nhiêu mét?

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi.
- GV mời đại diện HS trình bày đáp án.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Đáp án:

Bài giải

Quãng đường từ hiệu sách đến trường là: $700 - 230 = 470 \text{ (m)}$

Quãng đường từ nhà Bình đến trường là: $700 + 470 = 1\,170 \text{ (m)}$

Quãng đường từ nhà Bình đến trường cả đi và về là: $1\,170 \times 2 = 2\,340 \text{ (m)}$

Đáp số: 2 340 mét

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Chia 40 quả táo vào các túi, mỗi túi 8 quả và chia 36 quả cam vào các túi, mỗi túi 6 quả. Hỏi số túi cam có nhiều hơn số túi táo bao nhiêu túi?

- A. 1 túi B. 5 túi C. 2 túi D. 6 túi

Câu 2: Kho thóc thứ nhất chứa 1 234 kg thóc, kho thóc thứ hai chứa số thóc gấp đôi kho thóc thứ hai chứa gấp đôi kho thóc thứ nhất. Kho thóc thứ ba nhiều hơn kho thóc thứ nhất 132 kg thóc. Hỏi cả ba kho thóc có tất cả bao nhiêu ki – lô – gam thóc?

- A. 2 486 kg B. 5 104 kg C. 2 541 kg D. 1 375 kg

Câu 3: Một chiếc ô tô chở mỗi lần chở được 516 kg cam. Một chiếc xe máy mỗi lần chở được 24 kg cam. Hỏi 3 lần thì cả hai xe chở được bao nhiêu ki – lô – gam cam?

- A. 550 kg B. 490 kg C. 1 548 kg D. 1 620 kg

Câu 4: Lớp 4C có 15 bạn nam. Số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là 4 bạn. Lớp 4A có số học sinh ít hơn lớp 4C 7 bạn. Hỏi cả hai lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

- A. 34 B. 77 C. 75 D. 57

Câu 5: Một chiếc xe chở 5 bao khoai tây và 3 bao khoai lang. Khối lượng khoai tây trong mỗi bao là 30 kg, khối lượng khoai lang trong mỗi bao là 25kg. Hỏi chiếc xe đó chở tất cả bao nhiêu ki – lô – gam khoai tây và khoai lang?

- A. 222 kg B. 225 kg C. 252 kg D. 255 kg

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CẤP

ÔN TẬP: ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (Tiết 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết, xác định góc vuông có số đo 90° , góc bẹt có số đo 180° .
- Sử dụng thước đo góc để đo một số góc đơn giản. Đọc được số đo của một góc theo đơn vị độ.
- Phát triển các năng lực toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- File bài giảng, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò “**Đố bạn**”:

+ Hai bạn một nhóm, một bạn đọc một giờ bất kì (Ví dụ: 3 giờ, 9 giờ,...). Bạn còn lại cho biết góc tạo bởi hai kim đồng hồ là bao nhiêu độ.

+ GV mời vài cặp thực hành trước lớp.

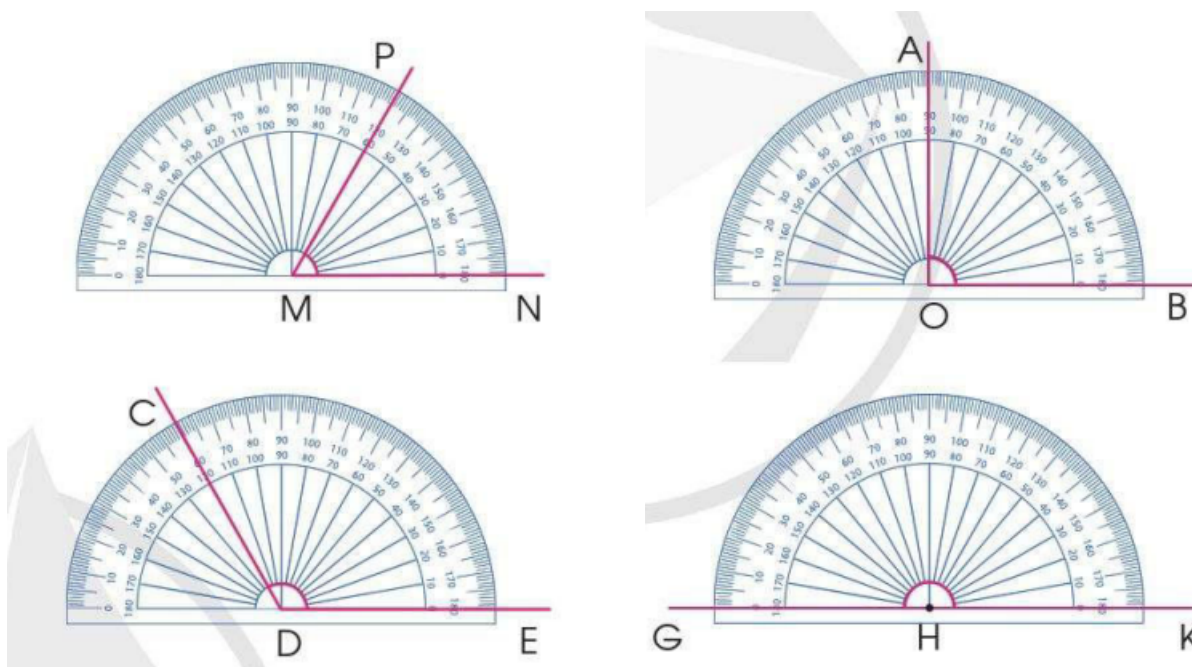
- GV nhận xét, tuyên dương, chuyển sang nội dung ôn tập.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Phiếu bài tập), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1: Quan sát thước đo rồi nêu số đo của mỗi góc:

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập cá nhân.
- GV mời đại diện 1 – 2 HS đứng dậy trình bày kết quả.
- GV nhận xét, chốt đáp án.



Đáp án:

+ Góc PMN: 60°

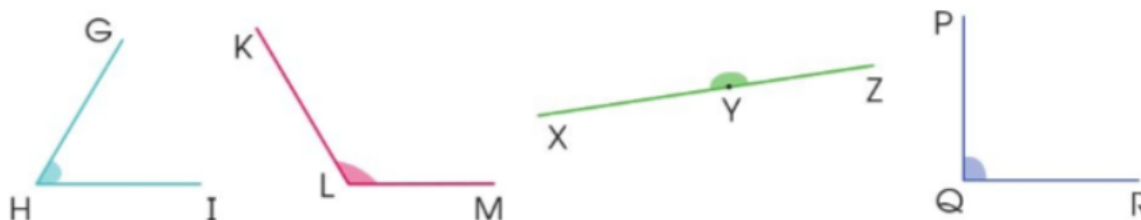
+ Góc AOB: 90°

+ Góc CDE: 120°

+ Góc GHK: 180°

Bài 2: Đọc tên các góc trong hình dưới đây (theo mẫu)

Mẫu: Góc đỉnh H; cạnh HG, HI có số đo 60°



- GV yêu cầu HS tạo nhóm đôi, nói cho nhau nghe.
- GV mời đại diện 1 – 2 cặp thực hành trước lớp.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

Góc đỉnh L, cạnh LM, LK có số đo 120°

Góc đỉnh Y, cạnh YX, YZ có số đo là 180°

Góc đỉnh Q, cạnh QP, QR có số đo là 90°

Bài 3: Quan sát các đồng hồ dưới đây:



A



B



C

Cho biết lúc mấy giờ thì kim giờ và kim phút tạo thành góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông?

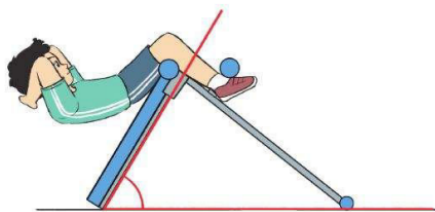
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi.
- GV mời đại diện HS trình bày đáp án.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Đáp án:

- + Đồng hồ lúc **3 giờ** có kim phút và kim giờ tạo thành 90°
- + Đồng hồ lúc **8 giờ** có kim giờ và kim phút tạo thành 120°
- + Đồng hồ lúc **6 giờ** có kim giờ và kim phút tạo thành 180°

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

Trong thực tế người ta thiết kế nhiều vật dụng có thể điều chỉnh được góc để phù hợp với mục đích khác nhau. Em hãy đo và nêu số đo các góc trong các trường hợp sau:



IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN Củng Cố ĐỒ VUI TOÁN HỌC (Tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS làm quen với câu hỏi đồ vui Toán học nhằm mục đích kích thích tư duy toán học và tạo hứng thú trong giờ học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Phiếu bài tập, bảng phụ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- Cho HS cùng hát theo video bài hát: “Việt Nam ơi”.

2. Hoạt động khám phá (5 – 7')

Trò chơi:

- Giáo viên kết nối Internet và giới thiệu trò chơi toán học nhằm tăng khả năng tư duy và kích lệ ham học toán của học sinh.
- HS lắng nghe và tư duy.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25')

- Cho học sinh hoạt động nhóm.

Câu hỏi 1: Anh A bỏ một đồng xu vào máy bán nước ngọt tự động và nhấn nút. Nhưng chẳng thấy lon nước nào rơi ra cả. Một lúc sau anh B đến chỗ máy đó và cũng bỏ vào một đồng xu. Một lon nước ngọt rơi ra ngay tức khắc. Máy bán hàng tự động hoàn toàn bình thường. Tại sao chiếc máy đó chỉ bán cho anh B?

Trả lời: Vì giá mỗi lon nước là 2 xu.

Câu hỏi 2: Một chú ốc sên muốn leo qua một bờ tường cao 11cm. Trong một tiếng đồng hồ chú bò được 5cm, cứ bò được 1 tiếng thì lại nghỉ 1 giờ, trong thời gian nghỉ lại tụt xuống 3cm. Sau khi bò lên đỉnh tường thì chú sẽ tiếp tục đi xuống trên mặt tường đó. Hỏi thời gian bò xuống là bao nhiêu?

Trả lời: 1 tiếng

Câu hỏi 3: Tên trộm phát hiện ra tủ sắt của gia chủ. Nơi đó nằm dưới hầm của căn biệt thự ngoại ô. Hôm ấy tên trộm đột nhập vào căn biệt thự nhưng vừa đến cửa hầm thì bị chướng ngại vì không biết mở thế nào. Trên cửa có một chiếc khóa mật mã, trên đó toán số là số được xếp như một quy luật, chỉ khi điền vào đúng hai chỗ trống trên đó thì cửa mới được mở. Đồ các em, ta cần điền số nào?



Trả lời: 4 và 56

Câu hỏi 4: Biba năm nay 12 tuổi. Gia đình Biba sống trong một thị trấn xa xôi hẻo lánh. Thị trấn nhỏ nhoi ấy rất khan hiếm nước nên người dân phải đi rất xa, rất xa để lấy nước. Hôm ấy, mẹ Biba nhờ cậu đi lấy 2 lít nước về nhưng trong nhà chỉ còn xô nước loại 5 lít và 6 lít. Các em hãy nghĩ cách giúp Biba lấy 2 lít nước mà chỉ dùng 2 xô trên nhé.

Trả lời: Đổ đầy thùng 6 l sau đó chuyển nước từ thùng 6l sang thùng 5l.

- Đổ nước ở thùng 5l lại giếng, đổ nước còn lại ở thùng 6l sang thùng 5l.
- Lấy nước đầy thùng 6l, tiếp tục đổ nước từ thùng 6l sang thùng 5l.
- Lúc này thùng 6l còn lại 2l nước.

Câu hỏi 5: Trong một thành phố có 10 đồng hồ bị hỏng, 10 người liền tới tiệm đồng hồ sửa. Sau đó thêm 5 chiếc đồng hồ bị hỏng, lại có 5 người nữa tới tiệm đồng hồ sửa. Nhưng có 1 lần, chỉ có 1 chiếc đồng hồ bị hỏng, mà toàn bộ dân thành phố đều tới tiệm sửa. Hỏi tại sao như vậy?

Trả lời: Do đồng hồ của tháp, đài truyền hình hoặc đài phát thanh bị hỏng.

Thời gian 5 phút trên 1 câu hỏi. Sau khi học sinh giải mã được giáo viên sẽ cộng điểm vào class 123.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2- 3')

- GV củng cố lại tiết học.

- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 4: THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Hình thành năng lực tìm hiểu Địa lí thông qua việc nêu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên đến đời sống và sản xuất của con người ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Hình thành năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Thẻ ghép hoạt động 1

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Ghép thẻ”
- + GV chuẩn bị các thẻ ghi “Khí hậu”, “Sông ngòi” và các thẻ ghi nội dung đặc điểm, tác động có lợi, tác động có hại của khí hậu, sông ngòi mang lại cho sản xuất, đời sống.
- + Hướng dẫn tổ chức HS ghép các thẻ theo các nội dung phù hợp.
- Nghe GV hướng dẫn và tham gia trò chơi. Ví dụ:

Khí hậu	Sông ngòi
- Nhiệt đới ẩm gió mùa.	- Thác ghềnh
- Mùa đông lạnh, tuyết rơi.	- Làm thủy điện.
- Du lịch	- Xảy ra lũ lụt
- Rét hại,.....

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (13- 15')

2.1. Ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên đối với sản xuất và đời sống.

- Yêu cầu học sinh đọc thông tin SGK.
- Tổ chức HS quan sát hình 9 đến hình 14 thảo luận nhóm và cho biết ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đối với sản xuất và đời sống của người dân trong từng hình.
(GV hướng hỗ trợ, hướng dẫn HS khai thác thông tin qua từng hình)
- HS quan sát hình 9 đến hình 14, thảo luận và trả lời.
- + Hình 9: Khai thác quặng sắt (tỉnh Thái Nguyên): Vùng có nhiều khoáng sản thuận lợi để phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.
- + Hình 10: Đập thủy điện Sơn La trên sông Đà (tỉnh Sơn La): Vùng có nhiều sông lượn, thác ghềnh có tiềm năng phát triển thủy điện.

- + Hình 11: Thu hoạch chè (tỉnh Phú Thọ): Vùng có đất, khí hậu thích hợp để trồng nhiều loại cây công nghiệp
- + Hình 12: Một góc vịnh Hạ Long (Quảng Ninh): Vùng có tiềm năng phát triển kinh tế biển (du lịch, đánh bắt,...)
- + Hình 13: Lũ quét và sạt lở đất: Vùng chịu nhiều thiên tai gây thiệt hại về người và tài sản.
- + Hình 14: Băng giá ở tỉnh Lai Châu năm 2018: Gây ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi và sinh hoạt của con người. Thu hút khách tham quan.
- Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào (thuận lợi, khó khăn) đến đời sống và sản xuất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- => Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế: khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, du lịch,..... Tuy nhiên cũng có tác động xấu như địa hình đồi núi, sông nhiều thác ghềnh dẫn đến địa hình bị chia cắt, lũ lụt, sạt lở, khí hậu lại, băng tuyết ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống.

- GV nhận xét kết luận, tuyên dương học sinh.

- GV cung cấp thêm thông tin cho HS (hình ảnh, video) thể hiện những thuận lợi khó khăn của vùng để học sinh khắc sâu kiến thức.

2.2. Biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức học sinh hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:

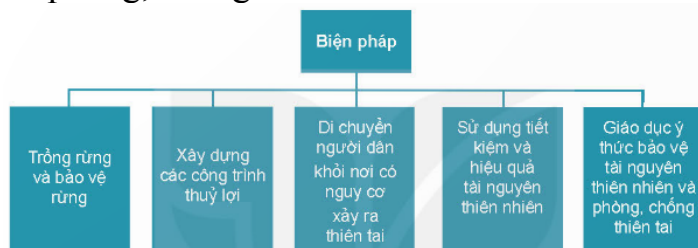
+ Dựa và kiến thức đã học em hãy kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

⇒ Một số thiên tai như: lũ quét, sạt lở đất, sương muối, rét đậm, rét hại,.....

+ Tác hại (hậu quả) của những thiên tai đó như thế nào ?

⇒ Học sinh trả lời theo ý kiến, kiến thức cá nhân.

+ Đọc thông tin và sơ đồ hình 15, hãy nêu một số biện pháp góp phần bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



▲ Hình 15. Sơ đồ một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

+ Em hãy liên hệ thực tế địa phương và nêu một số biện pháp mà địa phương đã thực hiện để góp phần phòng, chống thiên tai.

- GV nhận xét, kết luận, liên hệ giáo dục học sinh về bảo vệ thiên nhiên, môi trường.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (8- 10')

- Hướng dẫn học sinh nhớ lại nội dung kiến thức đã học và thực hiện bài tập trên phiếu học tập.

Hãy cho biết trong các câu sau câu nào đúng, câu nào sai.

- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với hai quốc gia là Lào và Cam-pu-chia (Cambodia). **Sai**
- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh nhất cả nước. **Đúng**
- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều sông lớn thuận lợi cho phát triển thủy điện. **Đúng**
- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất cả nước. **Đúng**

- Học sinh thực hiện cá nhân trên phiếu học tập.

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn để củng cố kiến thức.
- Nội dung trò chơi:

Câu 1: Đặc điểm khí hậu nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gây khó khăn cho việc bảo quản nông sản?

- a) Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.
- b) Mùa đông lạnh, ít mưa.
- c) **Độ ẩm cao quanh năm.**
- d) Nhiệt độ thay đổi theo độ cao.

Câu 2: Người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thường trồng loại cây nào chủ yếu để phù hợp với khí hậu?

- a) Cây công nghiệp
- b) **Cây lương thực và cây ăn quả ôn đới.**
- c) Cây dược liệu quý.
- d) Cây lấy gỗ.

Câu 3: Để ứng phó với khí hậu lạnh giá của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vào mùa đông, người dân thường làm gì?

- a) **Mặc quần áo ấm, tích trữ lương thực, củi đốt.**
- b) Di cư đến vùng khác ấm hơn.
- c) Chỉ trồng trọt vào mùa hè.
- d) Không làm gì cả.

- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.

- GV nhận xét và chốt đáp án đúng.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS. Dẫn học sinh chuẩn bị bài 5: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**BÀI 5: DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (Tiết 6)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
- Hình thành năng lực nhận thức, tìm hiểu khoa học địa lí thông qua việc kể tên một số dân tộc, sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.
- HS biết được phải *Tôn trọng sự khác biệt giữa mỗi dân tộc (Quyền con người)*
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- Cho học sinh xem 1 đoạn video giới thiệu về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (<https://youtu.be/3Vjp8dzCTv0>) Nguồn: Sưu tầm internet)

- Qua đoạn video và những hiểu biết em hãy nêu những điều mà em biết về con người và hạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.
- HS chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV nhận xét câu trả lời của học sinh.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (8- 10’)

Tìm hiểu về dân cư

2.1. Một số dân tộc ở vùng dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Gọi học sinh đọc thông tin, quan sát hình 1, 2 và thực hiện yêu cầu:
- + Hãy kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- => Một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: Mường, Thái, Dao, Mông, Tày, Nùng, Kinh,...
- + Bằng sự hiểu biết của mình em hãy nêu những điều mà em biết về một (hay nhiều) dân tộc vừa nêu trên.
- => Học sinh nêu theo ý kiến cá nhân và sự hiểu biết của mình.
- + Em có nhận xét gì về mỗi dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- => Mỗi dân tộc đều có tiếng nói riêng, tập quán sinh hoạt và trang phục truyền thống riêng, tạo nên sự đa dạng về văn hóa của vùng.
- HS chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh. Giáo dục học sinh về quyền con người: Tôn trọng sự khác biệt giữa mỗi dân tộc.

2.2. Sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Yêu cầu học sinh quan sát hình 3, hoàn thành phiếu học tập.
- (GV giải thích cho học sinh khái niệm về mật độ dân số và hướng dẫn học sinh dựa vào bảng chú giải để khai thác thông tin lược đồ hình 2)

Mật độ dân số	Tỉnh
Dưới 100 người/km ²	
Trên 400 người/km ²	
Từ 200 đến 400 người/km ²	
Từ 100 đến dưới 200 người/km ²	

- Hoạt động nhóm đôi, quan sát hình 3 và hoàn thành phiếu học tập.
- Học sinh trình bày và chia sẻ kết quả.

Mật độ dân số	Tỉnh
Dưới 100 người/km ²	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn
Trên 400 người/km ²	Phú Thọ, Bắc Giang.
Từ 200 đến 400 người/km ²	Thái Nguyên, Quảng Ninh.
Từ 100 đến dưới 200 người/km ²	Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình.

- GV nhận xét, kết luận, tuyên dương HS và chốt đáp án đúng.
- Từ kết quả trên em có nhận xét gì về dân cư, sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- => Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng dân cư thưa thớt, phân bố không đều giữa các tỉnh, giữa khu vực miền núi và khu vực trung du.
- GV nhận xét. Kết luận kiến thức cho học sinh.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (13- 15’)

- Kể tên một số dân tộc, xác định khu vực (tỉnh) phân bố mật độ dân số vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.
- Gọi học sinh kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Giáo viên sử dụng lược đồ (Hình 3) gọi học sinh xác định trên lược đồ vị trí của các tỉnh có mật độ dân số theo phần chú giải của lược đồ (Hình 3)
- GV nhận xét, tuyên dương học sinh và chốt đáp án đúng.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn.
- Nội dung trò chơi:

Câu 1: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm gì về dân cư?

- Đơn điệu, chủ yếu là dân tộc Kinh.
- Phong phú, đa dạng về thành phần dân tộc.**
- Thưa thớt, chủ yếu sống ở đồng bằng.
- Đều tập trung ở các thành phố lớn.

Câu 2: Ngoài dân tộc Kinh, hai dân tộc có số dân đông nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- Dao, Mông.
- Thái, M Khmer.
- Tày, Thái.**
- Nùng, Mường.

Câu 3: Việc sống xen kẽ, giao lưu giữa các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ mang lại ý nghĩa gì?

- Gây khó khăn trong quản lý hành chính.
- Tạo nên sự khác biệt về văn hóa.
- Làm cho đời sống văn hóa thêm phong phú, đa dạng.**
- Khiến cho việc phát triển kinh tế gặp khó khăn.

- HS tham gia trò chơi và đưa nhanh đáp án.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài. Yêu cầu học sinh chuẩn bị bài 5: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tiết 2)

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

BÀI 3: SỰ Ô NHIỄM VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC. MỘT SỐ CÁCH LÀM SẠCH NƯỚC (Tiết 5,6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được nguyên nhân gây ra ô nhiễm nguồn nước, liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương.
- Nêu được sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước (nêu được tác hại của nước không sạch) và phải sử dụng tiết kiệm nước.
- Thực hiện được và vận động những người xung quanh (gia đình và địa phương) cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước.

- Trình bày được một số cách làm sạch nước, liên hệ thực tế về cách làm sạch nước ở gia đình và địa phương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Dụng cụ và hóa chất để tiến hành thí nghiệm làm sạch nước đơn giản bằng phương pháp khử trùng: 1 chai nước đục, 1 cốc có mỏ nhỏ và chất khử trùng.

- Bảng nhóm, bút dạ, bút chì hoặc phấn viết bảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV yêu cầu HS kể tên các nguồn nước và phân biệt đâu là nguồn nước sạch, đâu là nguồn nước ô nhiễm.

- GV mời đại diện 2 - 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có)

- GV nhận xét chung, đưa ra kết luận: ***Có nhiều nguồn nước khác nhau như nước sông, nước suối, nước máy,... trong đó nước máy là nước sạch; nước sông, nước suối thường bị ô nhiễm.***

- GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước. Một số cách làm sạch nước.***

2. Hoạt động Khám phá (25 – 30')

Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước

- GV yêu cầu HS quan sát các hình 1.



Hình 1

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và cho biết:

+ ***Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm.***

+ ***Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và nguyên nhân nào do con người trực tiếp gây ra.***

- GV mời đại diện 2- 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét và đưa ra đáp án:

+ ***Dấu hiệu chứng tỏ nước bị ô nhiễm: có màu (hình 1a), có mùi thuốc trừ sâu (hình 1b), có rác và chất bẩn (hình 1c), có màu (hình 1d).***

+ ***Các nguyên nhân gây ô nhiễm: nước thải chưa được xử lý từ nhà máy (hình 1a), con người phun thuốc trừ sâu có chứa chất độc hại (hình 1b), con người vứt rác xuống hồ (hình 1c), lũ lụt gây ra (hình 1d). Các nguyên nhân ô nhiễm nguồn nước do con người trực tiếp gây ra tương ứng trong các hình 1a, 1b và 1c.***

****GV kết luận: Các nguyên nhân gây ra ô nhiễm nguồn nước có thể do con người và thiên nhiên gây ra, với các nguyên nhân trực tiếp do con người gây ra thì con người có thể chủ động khắc phục.***

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV đặt câu hỏi liên hệ thực tế:

+ ***Nêu những nguyên nhân khác gây ô nhiễm nguồn nước.***

- + Kể việc làm ở gia đình hoặc địa phương em đã và đang gây ô nhiễm nguồn nước.
- GV mời đại diện 2 -3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét chung, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng.

Bảo vệ nguồn nước

- GV yêu cầu HS thảo luận, chia sẻ những hiểu biết và suy nghĩ của mình về tác hại của việc sử dụng nước bị ô nhiễm và vì sao phải bảo vệ nguồn nước.
- GV mời đại diện 1 – 2 trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

***GV kết luận:**

- + **Các bệnh con người có thể mắc do sử dụng nước bị ô nhiễm: đau mắt, đau bụng, ghẻ lở,...**
- + **Nếu không bảo vệ nguồn nước thì con người dễ bị mắc các bệnh về đường tiêu hóa, bệnh ngoài da và bệnh về mắt,...** Vì vậy, cần phải bảo vệ nguồn nước.
- GV yêu cầu HS quan sát hình 2.

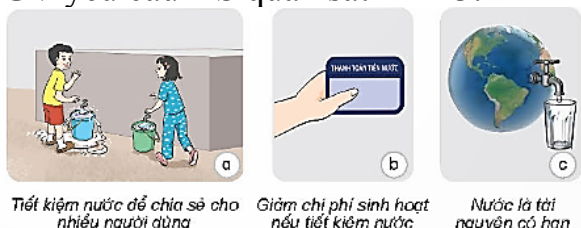


Hình 2

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi sau vào bảng nhóm: Cho biết tên việc làm để bảo vệ nguồn nước và nêu tác dụng của việc làm đó.
- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, đưa ra đáp án:
 - + Trong hình 2a: Mọi người đang dọn vệ sinh quanh bể nước và đổ rác đúng nơi quy định để vi sinh vật và chất bẩn bên ngoài không xâm nhập vào bể nước.
 - + Hình 2b: Mọi người đang vớt rác trên ao/ hồ để làm sạch nguồn nước.
 - + Hình 2c: Bạn phát hiện đường ống nước bị rò rỉ và đang báo người lớn để xử lý kịp thời, tránh các sinh vật, chất bẩn bên ngoài xâm nhập vào đường ống nước.
- GV đặt câu hỏi mở rộng:
 - + Nêu những việc làm khác để bảo vệ nguồn nước.
 - + Nêu các việc làm để vận động mọi người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước.
- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có câu trả lời đúng.

Sử dụng tiết kiệm nước

- GV chia lớp thành các nhóm 6 để tham gia các hoạt động.
- GV yêu cầu HS quan sát hình 3.

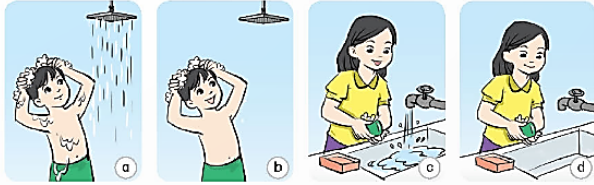


Hình 3

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: *Em hãy cho biết điều gì xảy ra nếu chúng ta không tiết kiệm nước?*
- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

***GV kết luận:** *Nếu chúng ta không tiết kiệm nước thì người khác không có nước để dùng, chi phí sinh hoạt nước sẽ tăng và tài nguyên nước sẽ bị cạn kiệt và chúng ta không có đủ nước để sử dụng.*

- GV yêu cầu HS quan sát hình 4.

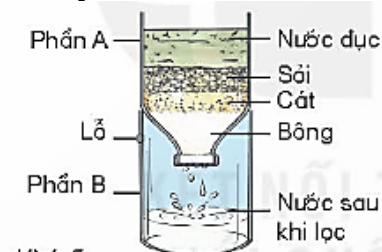


Hình 4

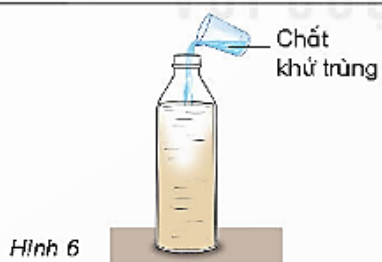
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Cho biết việc nào nên làm và không nên làm. Vì sao?*
- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, đưa ra đáp án:
 - + *Việc không nên làm:* Bạn ở hình 4a và 4c đang xoa đầu gội đầu và xoa xà phòng rửa tay nhưng vẫn mở cho vòi nước chảy, việc làm đó gây lãng phí nước.
 - + *Việc nên làm:* Bạn ở hình 4b và 4d đang xoa đầu gội đầu và xoa xà phòng rửa tay nhưng đã tắt vòi nước chảy, việc làm đó tiết kiệm nước.
- GV đặt câu hỏi để giúp HS liên hệ thực tế: *Nêu một số việc làm khác để tiết kiệm nước?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét các câu trả lời.

Một số cách làm sạch nước

- GV chia lớp thành 3 nhóm để tham gia các hoạt động (sử dụng phương pháp dạy học góc).
- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát lần lượt từ hình 5 đến hình 7.



Hình 5



Hình 6



Hình 7

- GV hướng dẫn các nhóm làm thí nghiệm với phương pháp khử trùng.
- GV lưu ý với HS: *phải đeo găng tay khi làm thí nghiệm do tiếp xúc trực tiếp với chất khử trùng.*
- GV quan sát các nhóm làm thí nghiệm.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: *Cách nào*
 - + *Loại bỏ được các chất không tan trong nước.*
 - + *Loại được hầu hết vi khuẩn và các chất gây mùi cho nước.*
 - + *Loại được vi khuẩn trong nước.*
- GV mời đại diện 1 - 2 nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét và đưa ra đáp án:
 - + *Cách lọc: Loại bỏ được các chất không hòa tan trong nước.*
 - + *Cách đun sôi: Làm chết hầu hết các vi khuẩn và loại bỏ bớt các chất gây mùi cho nước.*
 - + *Cách khử trùng: Khử được vi khuẩn trong nước.*
- GV đặt câu hỏi liên hệ thực tế:
 - + *Chọn một số cách phù hợp để làm sạch: nước máy, nước trong bể bơi, nước đục. Nước sau khi được làm sạch, ở trường hợp nào có thể uống được?*
 - + *Gia đình em đang sử dụng nguồn nước nào? Hãy kể tên các cách làm sạch nước ở gia đình hoặc địa phương em đang áp dụng.*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng.

4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (8 - 10')

- GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy để ghi nhớ, tổng kết về bài học.
- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong chia sẻ sơ đồ tư duy của mình. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, tóm tắt nội dung chính của bài học.
- GV yêu cầu HS liên hệ nội dung bài học với thực tế ở địa phương.
- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng.
- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:
 - + *Nêu một số cách làm sạch nước.*
 - + *Vì sao phải bảo vệ nguồn nước?*
 - + *Nêu các việc em đã làm và sẽ làm để tiết kiệm nước.*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC

BÀI 2: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh nhận xét được các ý kiến có liên quan đến người lao động và đóng góp của những người lao động.
- Biết tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các tình huống trong SGK.
- Có khả năng ứng xử phù hợp với những đóng góp của người lao động.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc tham gia hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp với bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (2 - 3')

- GV tổ chức trò chơi “Nhìn hành động của bạn làm đoán tên công việc” để khởi động bài học.

+ GV cho 3 HS lên bảng.

+ HS1: Làm hành động sửa chữa xe máy.

+ HS2: Làm hành động đánh lưới bắt cá.

+ HS3: Làm hành động may quần áo.

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá: Bày tỏ ý kiến (5-7')

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- GV chiếu màn hình các tình huống, yêu cầu học sinh suy nghĩ cá nhân sau đó thảo luận nhóm 2 trả lời.



+ Ý kiến phần a: Em không đồng tình vì Lê không thể hiện thái độ tôn trọng người lao động.

+ Ý kiến phần b: Em đồng tình vì Châu đã thể hiện tình yêu, thái độ tôn trọng đối với công việc của bố mình.

+ Ý kiến phần c: Em đồng tình vì Thanh đã có lời nói, việc làm thể hiện sự biết ơn đối với chủ công nhân sửa điện cho nhà mình.

+ Ý kiến phần d: Em đồng tình vì Chi đã không phân biệt đối xử mà yêu quý bác giúp việc như người nhà.

+ Ý kiến phần e: Em không đồng tình vì Bảo không thể hiện thái độ tôn trọng lịch sự đối với người giao hàng.

- GV mời một số nhóm trình bày.

- GV mời HS khác nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Câu hỏi 1: Nếu là Phương, em sẽ làm gì?

+ Nếu là Phương, em sẽ: khuyên bạn Khánh nhất đồ giúp bác. Nếu Khánh không nhất thì em vẫn sẽ nhất đồ giúp bác ấy.

- Tình huống 2: Cô giáo yêu cầu các bạn giới thiệu về nghề nghiệp của người thân. Một bạn bên cạnh chê nghề nghiệp của bố mẹ Mai

Câu hỏi 2: Nếu là Mai, Em sẽ nói gì với bạn đó?

+ Nếu là Mai, Em sẽ nói như sau: Mỗi nghề nghiệp đều quan trọng và có vai trò khác nhau trong xã hội. Em sẽ nói tầm quan trọng nghề nghiệp của bố mẹ mình cho bạn đó hiểu hơn.

- Tình huống 3: Các bác ở quê gửi cho nhà Nhung rất nhiều rau củ, quả. Tuy nhiên nhà bạn ít người, ăn không hết nên có thể các thực phẩm đó sẽ bị hỏng. Anh của Nhung bảo nếu hỏng thì bỏ đi.

Câu 3: Nếu là Nhung, em sẽ làm gì?

+ Nếu là Nhung, em sẽ: xin phép bố mẹ, hỏi ý kiến bố mẹ cho rau, củ, quả cho những người đang có hoàn cảnh khó khăn xung quanh xóm mình đang ở.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét chung, tuyên dương

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

- GV yêu cầu cả lớp làm việc nhóm 4: vẽ những bức tranh để bày tỏ biết ơn những người lao động cần cù, giúp ích cho xã hội.

- GV mời các nhóm trình bày bài vẽ.

- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS.

- GV nhận xét tiết học. Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC

BÀI 2: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾT 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh.

- Biết vì sao phải biết ơn người lao động.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè, người thân có hành vi, thái độ biết ơn những người lao động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3-5')

- GV tổ chức trò chơi “Phóng viên nhí” để khởi động bài học.

(1 HS đóng vai phóng viên phỏng vấn các bạn trong lớp)

? Lớn lên em sẽ làm gì?

? Vì sao bạn chọn nghề đó?

- HS chia sẻ những nghề nghiệp mà em yêu thích nhất.

- HS trả lời theo suy nghĩ và ước mơ của mình.

- HS lắng nghe.

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập thực hành (20-25')

* Bài 2/ Nhận xét hành vi/ N4

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2/SHS /9.

GV trình chiếu các hành vi lên PP.

2 Việc làm của bạn nào dưới đây thể hiện hoặc không thể hiện sự biết ơn người lao động? Vì sao?

a

Mỗi lần nghe thấy tiếng rao của cô bán hàng rong, Lê lại nhại theo giọng của cô.

b

Châu muốn sau này lớn lên sẽ trở thành giáo viên như bố mình.

c

Thanh lấy nước mời chủ thợ điện và cảm ơn chủ đã sửa điện cho nhà mình.

d

Chỉ yêu quý bác giúp việc như người nhà.

e

Bảo nhận hàng xong đi vào nhà ngay, không chào chủ giao hàng.

HS làm việc cá nhân - thảo luận nhóm 4 và thống nhất ý kiến nhận xét từng hành vi của các bạn

a. Mỗi lần nghe thấy tiếng rao của cô bán hàng rong. Lê lại nhại theo giọng của cô là một hành động không nên làm.

b. Em đồng tình với hành vi của Châu bởi hành vi đó thể hiện thái độ tôn trọng và yêu quý nghề nghiệp của bố mình.

c. Thanh lấy nước và nói lời cảm ơn với chủ thợ điện vì đã sửa điện giúp nhà mình là hành vi nên làm điều đó thể hiện sự tôn trọng và biết ơn với các bác công nhân.

d. Chỉ yêu quý bác giúp việc như người nhà là hành vi đáng khen và nhận được sự đồng tình.

e. Bảo nhận hàng xong đi vào nhà ngay, không nói lời cảm ơn chủ giao hàng đó là hành động không nên vì điều đó thể hiện thái độ không lịch sự, không tôn trọng người giao hàng.

- GV nhận xét, tuyên dương.

=> **KL:** Mỗi nghề nghiệp đều có vai trò riêng mang lại lợi ích cho xã hội vì vậy chúng ta cần tôn trọng, có thái độ lịch sự với tất cả các cô bác làm các ngành nghề khác nhau.

***Bài 3/ Xử lý tình huống/N2**

- GV đưa các tình huống lên PP.

- GV yêu cầu hs đọc từng tình huống, suy nghĩ các xử lý và đóng vai thể hiện tình huống/ N2.

3 Xử lý tình huống

a Trên đường đi học, thấy bác đầu bếp của trường bị đổ xe hàng, Phương nói với Khánh: "Mình qua nhặt đồ giúp bác đi!". Khánh nói: "Không phải việc của mình đâu!". Nếu là Phương, em sẽ làm gì?



b Cô giáo yêu cầu các bạn giới thiệu về nghề nghiệp của người thân. Một bạn bên cạnh chê nghề nghiệp của bố mẹ Mai.

Nếu là Mai, em sẽ nói gì với bạn đó?

c Các bác ở quê gửi cho nhà
Nhưng rất nhiều rau, củ, quả.
Tuy nhiên, nhà bạn ít người, ăn
không hết nên có thể các thực
phẩm đó sẽ bị hỏng. Anh của
Nhưng bảo nếu hỏng thì bỏ đi.
Nếu là Nhưng, em sẽ làm gì?



- GV nhận xét, tuyên dương.

*** Bài 4: Em có lời khuyên gì dành cho bạn?**

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu.

- Yêu cầu HS suy nghĩ tìm lời khuyên cho bạn trong các tình huống.

4 Em có lời khuyên gì dành cho bạn?

a Huy giẫm chân bẩn lên
hành lang mà bác lao công
vừa lau sạch.



Cậu lấy nhiều thế,
ăn làm sao hết?



Mình đã trả tiền
rồi mà!

b Tổng kết năm học, cả lớp được
đi liên hoan tại nhà hàng tự chọn.
Một số bạn lấy rất nhiều đồ ăn mà
không ăn hết.

a. Huy không nên giẫm chân bẩn lên hành lang bác lao công vừa lau sạch bởi bác vừa vất vả lau dọn xong, hành động đó thể hiện Huy không tôn trọng thành quả bác lao công vừa làm.

b. Không nên lấy quá nhiều đồ ăn vì lấy nhiều không ăn hết bỏ đi sẽ rất lãng phí công sức của người lao động vất vả làm ra sản phẩm.

- HS nêu yêu cầu bài

- Các nhóm suy nghĩ lựa chọn hình thức, thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến

- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

- GV yêu cầu: Các nhóm 4 có thể lựa chọn:

+ Suu tầm bài hát, ca dao, tục ngữ, ảnh, tranh về người lao động sau đó hát, đọc thơ, kể truyện, thuyết trình về ý nghĩa tranh ảnh mình sưu tầm được.

+ Cùng các bạn trong nhóm xây dựng một tình huống hoặc một tiểu phẩm thể hiện lòng biết ơn người lao động.

+ Tập làm phóng viên phỏng vấn về ước mơ nghề nghiệp của các bạn.

- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS.

- Dặn dò về nhà.

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: HƯỞNG ỨNG DỰ ÁN HÀNH LANG XANH
TRUNG THU SẺ CHIA (Tiết 7)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thực hiện được những việc làm cụ thể giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.

- Học sinh biết đồng cảm và sẻ chia cùng với người dân chịu ảnh hưởng nặng do cơn bão số 3.

- HS phát huy khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- HS biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- HS biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.
- Xây dựng kế hoạch dự án *Hành lang xanh*.
- Sáng tạo chậu trồng cây từ vật liệu tái chế.
- Tuyên truyền dự án *Hành lang xanh*.
- *Chăm chỉ, trách nhiệm*: có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS chuẩn bị trang phục ngay ngắn để chuẩn bị làm lễ chào cờ.
- Thực hiện nghi lễ chào cờ.
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

Khảo sát thực trạng cảnh quan trường học.

- GV nhắc nhở HS chuẩn dụng cụ cần thiết sau:
 - + Chai nhựa đã qua sử dụng, được vệ sinh sạch sẽ.
 - + Kéo, băng dính, bút dạ, các đồ dùng trang trí,...
 - + Đất trồng cây, nước, các hạt giống hoặc cây trồng,...
 - + Tranh ảnh minh họa chậu cây làm từ vật liệu tái chế.
- GV trình chiếu phiếu một số chậu cây bằng vật liệu tái chế:
- GV chia lớp thành nhóm.
- GV nêu nhiệm vụ hoạt động: Các nhóm thảo luận để xây dựng kế hoạch thực hiện dự án *Hành lang xanh*.
- GV nêu các gợi ý:
 - + Xác định công việc cần thực hiện trong dự án
 - Sáng tạo chậu trồng cây từ vật liệu tái chế.
 - Trang trí hành lang lớp học.
 - Xây dựng góc Nghệ thuật thiên nhiên.
 - + Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.
 - + Chuẩn bị những đồ dùng, vật liệu cần thiết cho từng hoạt động, công việc.
- GV tổ chức cho các nhóm trao đổi, đóng góp ý kiến và thống nhất bản kế hoạch để cùng thực hiện.
- GV mời 2 – 3 HS trình bày dự án trước lớp.
- GV nhận xét và kết luận: **Các ý tưởng sáng tạo chậu trồng cây của các em đều rất đẹp và độc đáo. Mỗi chậu cây là một ý tưởng thú vị. Thể hiện sự khéo léo và khả năng sáng tạo của các em. Cô khen ngợi cả lớp đã sáng tạo được những chậu cây ấn tượng bằng cách tận dụng chai nhựa đã qua sử dụng.**

3. Trung thu sẻ chia – quyên góp ủng hộ.

- GV chia sẻ với HS về hậu quả nặng nề của cơn bão Yagi.
- GV trình chiếu một số hình ảnh về hậu quả của cơn bão:



- GV chiếu vi deo về hậu quả của siêu bão, các vụ sạt lở đất, ngập lụt,

1

<https://vietnambiz.vn/tong-cuc-thong-ke-thiet-hai-do-bao-yagi-gay-ra-tac-dong-truc-tiep-den-tang-truong-kinh-te-2024913234569.htm>

2

<https://www.youtube.com/watch?v=wWl8pgCi2nA>

- Học sinh nêu cảm xúc của mình sau khi xem những hình ảnh thước phim về hậu quả của thiên tai.

- GV hướng dẫn phát động quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt.

- Viết thư động viên các bạn học sinh vùng lũ

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu học sinh vẽ tranh để thể hiện nội dung “Dự án hành lang xanh”.

- HS viết thư chia sẻ và động viên đồng bào vùng lũ.

- GV nhận xét tiết học và nhắc kiến thức cần nhớ trong tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM DỰ ÁN HÀNH LANG XANH (Tiết 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thực hiện được những việc làm cụ thể giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.
- HS phát huy khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- HS biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- HS biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.
- Xây dựng kế hoạch dự án *Hành lang xanh*.
- Sáng tạo chậu trồng cây từ vật liệu tái chế.
- Tuyên truyền dự án *Hành lang xanh*.
- *Chăm chỉ, trách nhiệm*: có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS vận động theo bài hát: Em yêu cây xanh
- HS trao đổi với nhau về nội dung bài hát:
- + Vì sao bạn nhỏ trong bài hát lại yêu cây xanh như vậy?
- + Nếu không có cây xanh thì cuộc sống của chúng ta như thế nào?
- HS chia sẻ câu trả lời của mình.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

Sáng tạo chậu trồng cây từ vật liệu tái chế.

- GV cho HS xem video làm chậu trồng cây từ vật liệu tái chế: RECYCLING PLASTIC BOTTLE INTO BEAUTIFUL POT - YouTube

- GV mời 1 – 2 HS nhận xét ý tưởng sáng tạo trong video.

- GV chia lớp thành các nhóm như hoạt động 1.

- GV tổ chức cho các nhóm thực hiện sáng tạo chậu cây từ vật liệu tái chế.

- GV hướng dẫn HS các bước sáng tạo chậu trồng cây như sau:

+ Lựa chọn ý tưởng sáng tạo chậu trồng cây.

+ Cắt chai nhựa theo hình dạng chậu cây mong muốn.

+ Tạo các lỗ nhỏ dưới đáy chậu để cây thoát nước.

+ Trang trí chậu cây theo ý tưởng của mình.

- GV hướng dẫn HS trồng cây vào chậu theo các bước sau:

+ Cho đất vào chậu cây làm từ chai nhựa.

+ Tiến hành gieo hạt hoặc trồng cây vào chậu.

- GV hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn khi sáng tạo chậu trồng cây và khi trồng cây.

- GV tổ chức cho các nhóm giới thiệu chậu cây đã trồng trước lớp.

- GV đặt câu hỏi tương tác với HS:

+ Ý tưởng sáng tạo chậu cây của em là gì? Vì sao em lựa chọn ý tưởng đó?

+ Em đã sử dụng những nguyên liệu và đồ dùng nào để sáng tạo chậu trồng cây?

+ Em đã chọn loại hạt giống hay cây trồng nào?

+ Em hãy chia sẻ về cách chăm sóc cây để cây tươi tốt.

- GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: *Ý tưởng sáng tạo chậu trồng cây của các em đều rất đẹp và độc đáo. Mỗi chậu cây là một ý tưởng thú vị, thể hiện sự khéo léo và khả năng sáng tạo của các em. Cô khen ngợi cả lớp đã sáng tạo được những chậu cây ấn tượng bằng cách tận dụng chai nhựa đã qua sử dụng.*

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu học sinh:

+ Chia sẻ dự án Hành lang xanh tới bạn bè và người thân.

+ Chăm sóc các chậu cây mới trồng.

- GV nhận xét tiết học và nhắc kiến thức cần nhớ trong tiết học và chuẩn bị cây xanh để trang trí lớp học trong tiết học sau, trang trí và chăm sóc cây xanh của mình.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: TUYÊN TRUYỀN DỰ ÁN HÀNH LANG XANH (Tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thực hiện được những việc làm cụ thể giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.

- *HS phát huy* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- *HS biết* lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- HS biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

- Xây dựng kế hoạch dự án *Hành lang xanh*.
- Sáng tạo chậu trồng cây từ vật liệu tái chế.
- Tuyên truyền dự án *Hành lang xanh*.
- *Chăm chỉ, trách nhiệm*: có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS vận động theo bài hát: Bài hát trồng cây
- HS trả lời câu hỏi do GV đặt ra:
 - + Bài hát đã gửi tới các em thông điệp gì?
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành: Sinh hoạt cuối tuần (23 – 25')

2.1. Đánh giá kết quả cuối tuần (Làm việc nhóm 2)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.
- + Kết quả sinh hoạt nền nếp.
- + Kết quả học tập.
- + Kết quả hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)

2.2. Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.
- + Thực hiện nền nếp trong tuần.
- + Thi đua học tập tốt.
- + Thực hiện các hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.

2.3. Sinh hoạt theo chủ đề: Tuyên truyền dự án *Hành lang xanh*

- GV tổ chức cho HS vẽ tranh tuyên truyền dự án *Hành lang xanh* theo các bước cụ thể sau:
 - + Chuẩn bị các đồ dùng cần thiết: giấy, bìa cứng, bút, bút màu,...
 - + Xác định thông điệp muốn tuyên truyền đến mọi người.



+ Sử dụng bút, bút màu vẽ tranh thông điệp đó.

- GV trình chiếu một số bức tranh minh họa:

- GV mời 2 – 3 HS giới thiệu bức tranh đã vẽ và chia sẻ thông điệp muốn truyền tải qua bức tranh.

- GV mời 2 – 3 HS bày tỏ cảm nhận về bức tranh của bạn.

- GV kết luận: *Chúng ta đã thực hiện xong việc vẽ tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh để lan tỏa những thông điệp giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp.*

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu học sinh cùng người thân thực hiện nội dung: *Hoàn thành bức tranh tuyên truyền dự án hành lang xanh.*

- GV hướng dẫn học sinh hoàn thành phiếu.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà chuẩn bị cho nội dung chủ đề sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)



BGH kí duyệt

Tổ trưởng

Giáo viên

Lê Công Thắng

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Phương Linh

